BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2012/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2012*

THÔNG TƯ
Ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ"

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03/8/2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22/4/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ";

Mã số đăng ký: QCVN 41: 2012/BGTVT.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và thay thế:

1. Quyết định số 4393/2001/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành tiêu chuẩn ngành "Điều lệ Báo hiệu đường bộ" 22 TCN 237-01;

2. Quyết định số 21/2005/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc bổ sung biển báo hiệu vào Điều lệ Báo hiệu đường bộ 22 TCN 237-01;

3. Quyết định số 48/2006/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung biển báo hiệu số 420 và 421 trong Điều lệ báo hiệu đường bộ 22 TCN 237-01;

4. Phụ lục 2 Thông tư số 09/2006/TT-BGTVT ngày 20 tháng 9 năm 2006 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện việc điều chỉnh báo hiệu đường bộ trên các tuyến đường tham gia Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng (Hiệp định GMS).

Điều 3. Giao Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam căn cứ yêu cầu quản lý, xây dựng công bố lộ trình điều chỉnh, thay thế hệ thống báo hiệu đường bộ chưa phù hợp theo QCVN 41: 2012/BGTVT.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

QCVN 41: 2012/BGTVT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ

National Technical Regulation on Road Signs and Signals

Lời nói đầu

- QCVN 41: 2012/BGTVT do Tổng Cục Đường bộ Việt Nam biên soạn, Bộ Khoa học Công nghệ thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 17/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2012.

MỤC LỤC

Chương I. Quy định chung .....
Chương II. Hiệu lệnh điều khiển giao thông .....
Chương III. Biển báo hiệu .....
Chương IV. Biển báo cấm .....
Chương V. Biển báo nguy hiểm .....
Chương VI. Biển hiệu lệnh .....
Chương VII. Biển chỉ dẫn .....
Chương VIII. Biển phụ, biển viết bằng chữ .....
Chương IX. Vạch kẻ đường .....
Chương X. Cọc tiêu, tường bảo vệ và hàng rào chắn .....
Chương XI. Cột Kilômét, Cọc H .....
Chương XII. Mốc lộ giới .....
Chương XIII. Báo hiệu cấm đi lại .....
Chương XIV. Gương cầu lồi và dải phân cách tôn sóng.....
Chương XV. Các quy định quản lý có liên quan .....
Chương XVI. Tổ chức thực hiện.....
Phụ lục A. Đèn tín hiệu .....
Phụ lục B. Ý nghĩa - Sử dụng biển báo cấm .....
Phụ lục C. Ý nghĩa - Sử dụng biển báo nguy hiểm .....
Phụ lục D. Ý nghĩa - Sử dụng biển hiệu lệnh .....
Phụ lục E. Ý nghĩa - Sử dụng biển chỉ dẫn .....
Phụ lục F. Ý nghĩa - Sử dụng các biển phụ .....
Phụ lục G. Vạch tín hiệu giao thông trên đường có tốc độ >60km/h .....
Phụ lục H. Vạch tín hiệu giao thông trên đường có tốc độ ≤60km/h .....
Phụ lục I. Cột Kilômét - Cọc H - Mốc lộ giới.....
Phụ lục K. Kích thước chữ viết và con số trên biển báo .....
Phụ Lục L. Biển báo hiệu trên các tuyến đường đối ngoại .....

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định về hệ thống báo hiệu đường bộ bao gồm: Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, tín hiệu đèn giao thông, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, tường bảo vệ và rào chắn, cột kilômét, cọc H, mốc lộ giới, gương cầu lồi và dải phân cách tôn sóng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng cho tất cả các tuyến đường bộ trong mạng lưới đường bộ Việt Nam gồm: quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng, và các đường nằm trong hệ thống đường tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên - sau đây gọi là các tuyến đường đối ngoại (Hiệp định GMS-CBTA; các thỏa thuận trong ASEAN và các thỏa thuận quốc tế khác).

Điều 3. Thứ tự hiệu lực của hệ thống báo hiệu

3.1. Khi đồng thời bố trí các hình thức báo hiệu cùng ở một khu vực có ý nghĩa khác nhau, người tham gia giao thông phải chấp hành loại hiệu lệnh theo thứ tự như sau:

3.1.1. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông;

3.1.2. Tín hiệu đèn hoặc cờ;

3.1.3. Hiệu lệnh của biển báo hiệu;

3.1.4. Vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác trên mặt đường.

3.2. Khi ở một vị trí đã có biển báo hiệu đặt cố định lại có biển báo hiệu khác đặt có tính chất tạm thời mà hai biển có ý nghĩa khác nhau thì người sử dụng đường phải chấp hành hiệu lệnh của biển báo hiệu có tính chất tạm thời.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

4.1. *Đường cao tốc (ĐCT)* là đường dành cho xe cơ giới, có dải phân cách chia đường cho xe chạy hai chiều riêng biệt; không giao nhau cùng mức với một hoặc các đường khác; được bố trí đầy đủ trang thiết bị phục vụ, bảo đảm giao thông liên tục, an toàn, rút ngắn thời gian hành trình và chỉ cho xe ra, vào ở những điểm nhất định;

4.2. *Quốc lộ (QL)* là đường nối liền Thủ đô Hà Nội với trung tâm hành chính cấp tỉnh; đường nối liền trung tâm hành chính cấp tỉnh từ ba địa phương trở lên; đường nối liền từ cảng biển quốc tế, cảng hàng không quốc tế đến các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên đường bộ; đường có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng, khu vực;

4.3. *Đường tỉnh (ĐT)* là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh;

4.4. *Đường huyện (ĐH)* là đường nối từ trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của huyện;

4.5. *Đường xã (ĐX)* đường nối trung tâm hành chính của xã với các thôn, làng, ấp, bản và đơn vị tương đương hoặc đường nối với các xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của xã;

4.6. *Đường đô thị (ĐĐT)* là đường nằm trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị;

4.7. *Đường chuyên dùng (ĐCD)* là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân;

4.8. *Đường bộ* gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ;

4.9. *Đường dành riêng cho các loại phương tiện cơ giới* là tuyến đường hoặc phần đường dành cho phương tiện cơ giới lưu thông tách biệt với phần đường dành riêng cho các phương tiện thô sơ và người đi bộ và bằng dải phân cách hoặc vạch sơn dọc liền;

4.10. *Đường dành riêng cho các phương tiện thô sơ và người đi bộ* là tuyến đường hoặc phần đường, được phân biệt với phần đường dành riêng cho phương tiện cơ giới bằng các dải phân cách hoặc vạch sơn dọc liền;

4.11. *Đường ưu tiên* là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông được các phương tiện giao thông đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau, được cắm biển báo hiệu đường ưu tiên.

4.11.1. Xác định đường ưu tiên (đường chính) theo thứ tự quy định như sau:

- Đường cao tốc;

- Quốc lộ;

- Đường đô thị;

- Đường tỉnh;

- Đường huyện;

- Đường xã;

- Đường chuyên dùng.

4.11.2. Nếu hai đường cùng thứ tự, giao nhau cùng mức, việc xác định đường nào là đường ưu tiên theo quy định sau:

- Khi lưu lượng xe bằng nhau, đường nào có nhiều ôtô vận tải công cộng hoặc đường nào có tốc độ xe lớn hơn thì đường đó là đường ưu tiên. Khi lưu lượng xe khác nhau, đường nào có lưu lượng xe lớn hơn thì đường đó là đường ưu tiên;

- Đường nào có mặt đường cấp cao hơn thì đường đó là đường ưu tiên.

4.11.3. Không được quy định cả hai đường giao nhau cùng mức cùng đồng thời là đường ưu tiên;

4.12. *Đường không ưu tiên* là chỉ những đường giao cùng mức với đường ưu tiên;

4.13. *Đường một chiều* là để chỉ những đường chỉ cho đi một chiều;

4.14. *Đường hai chiều* là để chỉ những đường dùng chung cho cả hai chiều đi và về mà không có dải phân cách hoặc vạch dọc liền;

4.15. *Đường đôi* là để chỉ những đường mà chiều đi và về được phân biệt bằng dải phân cách hoặc các vạch dọc liền;

4.16. *Phần đường xe chạy* là phần của đường bộ được sử dụng cho các phương tiện giao thông qua lại;

4.17. *Làn đường* là một phần của phần đường xe chạy được chia theo chiều dọc của đường, có bề rộng đủ cho xe chạy an toàn;

4.18. *Dải phân cách* là bộ phận của đường để phân chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt hoặc để phân chia phần đường của xe cơ giới và xe thô sơ hoặc phần đường nhiều loại xe khác nhau.

4.19. *Nơi đường giao nhau* là nơi hai hay nhiều đường bộ gặp nhau trên cùng một mặt phẳng, bao gồm cả mặt bằng hình thành vị trí giao nhau đó;

4.20. Tên các bộ phận chủ yếu của con đường được chỉ dẫn ở hình cắt ngang kèm theo (Hình 1 và 2):

Bảng 1. Các bộ phận chủ yếu của đường

Số ký hiệu	Tên bộ phận	Số ký hiệu	Tên bộ phận
1	Phần xe chạy	8	Dấu hiệu mép phần xe chạy
2	Lề đường	9	Đỉnh mui luyện
3	Mái taluy nền đường	10	Dải phân cách giữa
4	Hành lang an toàn đường bộ	11	Dải đất dọc hai bên đường bộ, dành cho quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ
5	Nền đường	12	Dấu hiệu phân làn
6	Tim đường	13	Phần lề đường gia cố
7	Vai đường	14	Rãnh dọc

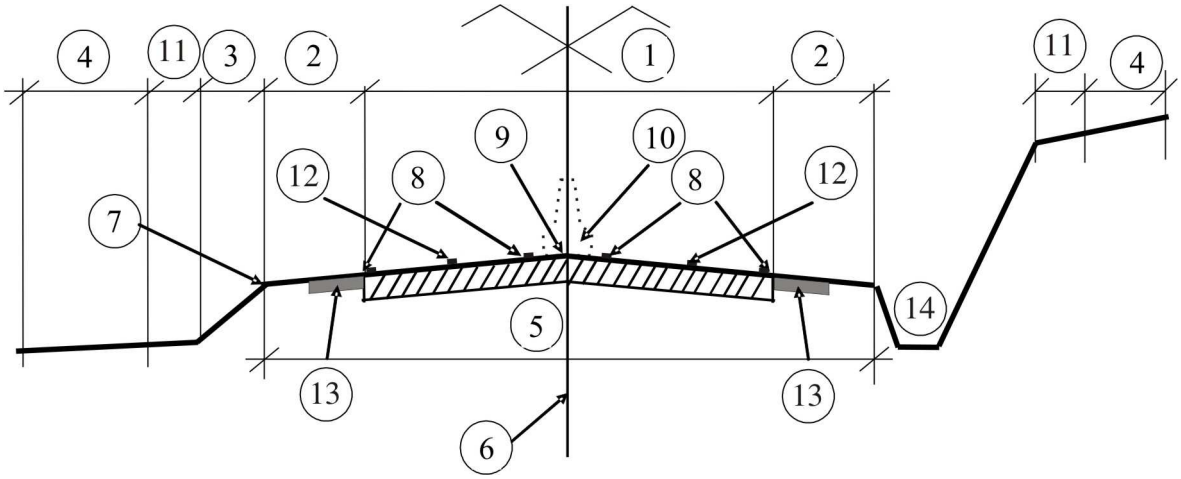

Hình 1 - Mặt cắt ngang đường

CHÚ THÍCH: Bề rộng hành lang an toàn đường bộ và phần đất dành cho bảo vệ, quản lý, bảo trì đường bộ theo quy định của Chính phủ.

4.21. *Khu đông dân cư* là chỉ vùng giới hạn nội thành các thành phố, nội thị các thị xã, thị trấn, trung tâm hành chính xã hoặc cụm xã mà đường bộ đi qua. Những nơi quy định là "Khu đông dân cư" thì người sử dụng đường bộ phải chấp hành các hạn chế theo quy định của pháp luật.

4.22. *Xe cơ giới* là chỉ các loại xe ôtô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ôtô, máy kéo; xe môtô hai bánh; xe môtô ba bánh; xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự.

4.23. *Ôtô con* là chỉ ôtô chở người không quá 9 chỗ ngồi kể cả lái xe, hoặc ôtô chở hàng với trọng tải không quá 1,5 tấn. Ôtô con bao gồm cả các loại có kết cấu như môtô ba bánh nhưng khối lượng bản thân lớn hơn 400kg trở lên và trọng tải không quá 1,5 tấn.

4.24. *Ôtô tải* là chỉ ôtô chở hàng hoặc thiết bị chuyên dùng có trọng tải từ 1,5 tấn trở lên.

4.25. *Ôtô khách* là chỉ ôtô chở người với số chỗ ngồi lớn hơn 9, ôtô khách bao gồm cả xe buýt. Xe buýt là ôtô khách có số chỗ ngồi ít hơn số chỗ đứng.

4.26. *Ôtô đầu kéo kéo sơ-mi rơ-moóc* là chỉ những loại xe cơ giới chuyên chở hàng hóa hoặc chở người mà thùng xe là sơ mi rơ moóc được thiết kế nối với ôtô đầu kéo và truyền một phần trọng lượng đáng kể lên ôtô đầu kéo và ôtô đầu kéo không có bộ phận chở hàng hóa hoặc chở người (ôtô đầu kéo là ôtô được thiết kế để kéo sơ-mi rơ-moóc).

4.27. *Ôtô kéo rơ-moóc* là chỉ ôtô được thiết kế dành riêng hoặc chủ yếu dùng để kéo rơ-moóc.

4.28. *Rơ-moóc* là chỉ phương tiện có kết cấu để sao cho khối lượng toàn bộ của rơ-moóc không đặt lên ôtô kéo.

4.29. *Máy kéo* là chỉ đầu máy tự di chuyển bằng xích hay bánh lốp để thực hiện các công việc đào, xúc, nâng, ủi, gạt, kéo, đẩy.

4.30. *Xe môtô* là xe cơ giới hai hoặc ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, di chuyển bằng động cơ có dung tích xy lanh từ 50cm^3 trở lên, trọng lượng không quá 400kg đối với môtô hai bánh hoặc sức chở từ 350kg đến 500kg đối với môtô 3 bánh. Định nghĩa này không bao gồm xe gắn máy nêu tại Khoản 4.31 của Điều này.

4.31. *Xe gắn máy* là chỉ phương tiện chạy bằng động cơ, có hai bánh hoặc ba bánh và vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 50km/h. Nếu động cơ dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc hoặc dung tích tương đương không được lớn hơn 50cm^3.

4.32. *Xe thô sơ* gồm xe đạp (kể cả xe đạp máy), xe xích lô, xe súc vật kéo, xe lăn dùng cho người khuyết tật và các loại xe tương tự.

4.33. *Xe đạp* là chỉ phương tiện có hai bánh xe hoặc ba bánh và di chuyển được bằng sức người đạp. Kể cả xe chuyên dùng của người tàn tật có tính năng tương tự.

4.34. *Xe đạp thồ* là chỉ xe đạp chở hàng trên giá đèo hàng hoặc chằng buộc hai bên thành xe.

4.35. *Xe người kéo* là chỉ những loại phương tiện thô sơ có một hoặc nhiều bánh và chuyển động được nhờ sức người kéo hoặc đẩy. Trừ xe nôi trẻ em và phương tiện chuyên dùng đi lại của người tàn tật.

4.36. *Xe súc vật kéo* là chỉ những phương tiện thô sơ chuyển động được do súc vật kéo.

4.37. *Người sử dụng đường* (người tham gia giao thông) là chỉ những người điều khiển, người sử dụng phương tiện tham gia giao thông đường bộ, người điều khiển, dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường.

4.38. *Xe ưu tiên* là chỉ xe được quyền ưu tiên theo Luật Giao thông đường bộ:

4.38.1. Những xe sau đây được quyền ưu tiên đi trước xe khác khi qua đường giao nhau từ bất kỳ hướng nào tới theo thứ tự:

a) Xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ;

b) Xe quân sự, xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp; đoàn xe có xe cảnh sát dẫn đường;

c) Xe cứu thương đang thực hiện nhiệm vụ cấp cứu;

d) Xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

4.38.2. Xe quy định tại các Tiết a, b, c và d Điểm **4.38.1** của Điều này khi làm nhiệm vụ phải có tín hiệu còi, cờ, đèn theo quy định; không bị hạn chế tốc độ; được phép đi vào đường ngược chiều, các đường khác có thể đi được, kể cả khi có tín hiệu đèn đỏ và chỉ phải tuân theo chỉ dẫn của người điều khiển giao thông.

4.39. *Mốc lộ giới* là chỉ cọc mốc được cắm ở mép ngoài cùng xác định ranh giới của đất dành cho đường bộ theo chiều ngang đường;

4.40. *Giá long môn* là chỉ khung treo biển báo hiệu phía trên mặt đường, khi treo biển thì cạnh dưới của biển (hoặc mép dưới của dầm nếu thấp hơn cạnh dưới biển) cách mặt đường ít nhất là 5m;

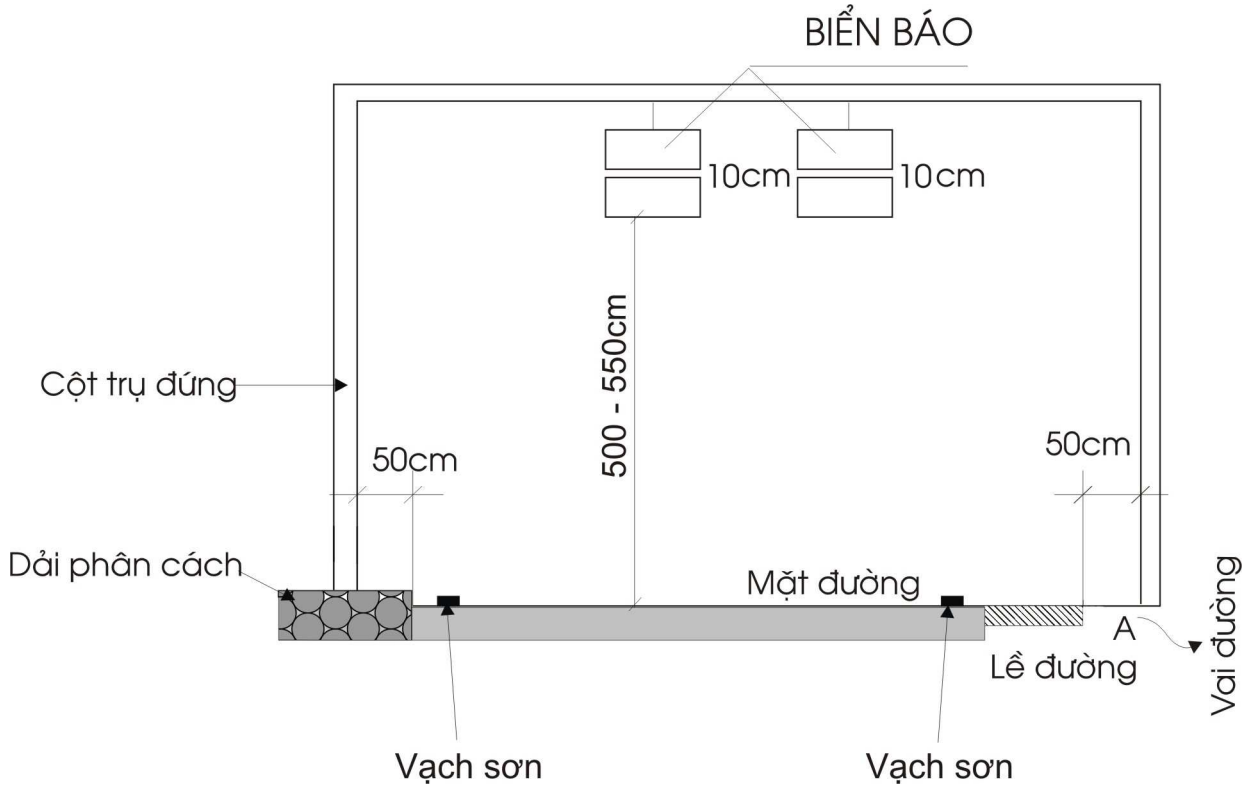

Hình 2. Giá long môn

4.41. *Hàng nguy hiểm* là hàng hóa có chứa các chất nguy hiểm khi chở trên đường có khả năng gây nguy hại tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, an toàn và an ninh quốc gia.

Chương II
HIỆU LỆNH ĐIỀU KHIỂN GIAO THÔNG

Điều 5. Các phương pháp điều khiển giao thông

5.1. Các phương tiện điều khiển giao thông:

a) Bằng tay;

b) Bằng cờ;

c) Bằng gậy chỉ huy giao thông có màu đen trắng xen kẽ (có đèn hoặc không có đèn ở bên trong);

d) Bằng đèn tín hiệu ánh sáng.

5.2. Phương pháp chỉ huy giao thông:

a) Người điều khiển;

b) Bằng hệ thống tín hiệu ánh sáng tự động.

Điều 6. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông

6.1. Hiệu lệnh của người điều khiển được thể hiện bằng tay, cờ hoặc gậy chỉ huy giao thông. Để thu hút sự chú ý của người tham gia giao thông, người điều khiển giao thông ngoài các phương pháp nêu trên còn dùng thêm còi.

6.2. Hiệu lệnh của cảnh sát điều khiển giao thông:

a) Tay giơ thẳng đứng để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở các hướng đều phải dừng lại;

b) Hai tay hoặc một tay dang ngang để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái người điều khiển được đi tất cả các hướng; cánh tay trái người điều khiển gập đi gập lại sau gáy để báo hiệu người tham gia giao thông bên trái người điều khiển đi nhanh hơn hoặc cánh tay phải người điều khiển gập đi gập lại trước ngực để báo hiệu người tham gia giao thông bên phải người điều khiển đi nhanh hơn hoặc; bàn tay trái hoặc phải của người điều khiển ở vị trí ngang thắt lưng và đưa lên, xuống báo hiệu người tham gia giao thông ở bên trái hoặc bên phải người điều khiển đi chậm lại; bàn tay trái hoặc phải của người điều khiển giơ thẳng đứng vuông góc với mặt đất báo hiệu người tham gia giao thông ở bên trái hoặc bên phải người điều khiển dừng lại;

c) Tay phải giơ về phía trước để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía sau và bên phải người điều khiển dừng lại; người tham gia giao thông ở phía trước người điều khiển được rẽ phải; người tham gia giao thông ở phía bên trái người điều khiển được đi tất cả các hướng; người đi bộ qua đường phía sau lưng người điều khiển giao thông được phép đi; Đồng thời tay trái giơ về phía trước lặp đi lặp lại nhiều lần, song song với tay phải báo hiệu người tham gia giao thông ở phía bên trái người điều khiển được rẽ trái qua trước mặt người điều khiển.

6.3. Quy định về việc sử dụng âm hiệu còi trong điều khiển giao thông của cảnh sát điều khiển giao thông như sau:

a) Một tiếng còi dài, mạnh là ra lệnh dừng lại;

b) Một tiếng còi ngắn là cho phép đi;

c) Một tiếng còi dài và một tiếng còi ngắn là cho phép rẽ trái;

d) Hai tiếng còi ngắn, thổi mạnh là ra hiệu nguy hiểm đi chậm lại;

e) Ba tiếng còi ngắn thổi nhanh là báo hiệu đi nhanh lên;

g) Thổi liên tiếp tiếng một, nhiều lần, mạnh là báo hiệu phương tiện dừng lại để kiểm tra hoặc báo hiệu phương tiện vi phạm.

6.4. Trường hợp khi có tín hiệu hoặc hiệu lệnh phải dừng lại, nếu phương tiện tham gia giao thông đã đi vượt qua vạch sơn "Dừng lại" mà dừng lại sẽ gây mất an toàn giao thông thì cho phép đi tiếp; Người đi bộ còn đang đi ở phần đường dành cho người đi bộ trên lòng đường thì nhanh chóng đi hết hoặc dừng lại ở đảo an toàn, nếu không có đảo an toàn thì dừng lại ở vạch sơn phân chia 2 dòng phương tiện giao thông đi ngược chiều;

6.5. Trường hợp người điều khiển chỉ gậy chỉ huy giao thông vào hướng xe nào thì xe ở hướng đó phải dừng lại.

Điều 7. Hiệu lực của người điều khiển giao thông

Tất cả các lái xe và người đi bộ đều phải chấp hành nghiêm chỉnh hiệu lệnh của người điều khiển giao thông kể cả trong trường hợp hiệu lệnh trái với tín hiệu của đèn điều khiển giao thông, biển báo hiệu hoặc vạch kẻ đường.

Điều 8. Người điều khiển giao thông

Người điều khiển phải là cảnh sát giao thông mặc sắc phục theo quy định của Bộ Công an hoặc là người được giao nhiệm vụ điều khiển giao thông có mang băng đỏ rộng 10cm ở khoảng giữa cánh tay phải.

Điều 9. Điều khiển giao thông bằng tín hiệu đèn

9.1. Đèn tín hiệu chính điều khiển giao thông được áp dụng 3 loại màu tín hiệu: xanh, vàng và đỏ, chủ yếu có dạng hình tròn, lắp theo chiều thẳng đứng hoặc nằm ngang:

9.1.1. Thứ tự tín hiệu lắp theo chiều thẳng đứng: trên cùng là đỏ, giữa là vàng và cuối cùng là xanh;

9.1.2. Thứ tự tín hiệu lắp đặt theo chiều ngang: đỏ ở phía bên tay trái, vàng ở giữa xanh ở phía bên tay phải.

9.2. Đèn tín hiệu ngoài 3 dạng đèn chính còn được bổ sung một số đèn phụ tùy thuộc vào quy mô nút giao và tổ chức giao thông:

9.2.1. Đèn phụ có hình mũi tên, được lắp đặt trên mặt phẳng ngang với tín hiệu xanh;

9.2.2. Đèn tín hiệu không có đèn phụ thì trong từng tín hiệu của đèn chính, có thể có hình mũi tên; Khi đó đèn được coi tương ứng với lắp đèn phụ. Nếu mũi tên chỉ của loại đèn tín hiệu không có đèn phụ này chỉ hướng cho phép rẽ trái thì đồng thời cho phép quay đầu;

9.2.3. Đèn tín hiệu có kèm đồng hồ đếm ngược có tác dụng báo hiệu thời gian có hiệu lực của đèn chính;

9.2.4. Đèn tín hiệu có hình chữ thập màu đỏ báo hiệu xe phải dừng lại. Trong trường hợp xe đã ở trong nút giao thì phải nhanh chóng đi ra khỏi nút giao.

9.3. Ý nghĩa của đèn tín hiệu:

9.3.1. Tín hiệu xanh: Cho phép đi;

9.3.2. Tín hiệu vàng: Báo hiệu sự thay đổi tín hiệu của đèn. Tín hiệu vàng bật sáng, người điều khiển phương tiện phải cho xe dừng trước vạch sơn "Dừng lại". Trường hợp phương tiện và người đi bộ đã vượt quá vạch sơn "Dừng lại", nếu dừng lại sẽ nguy hiểm thì phải nhanh chóng đi tiếp ra khỏi nơi giao nhau;

9.3.3. Tín hiệu vàng nhấp nháy: Là được đi nhưng phải chú ý và thận trọng quan sát, nhường đường cho người đi bộ sang đường hoặc các phương tiện khác;

9.3.4. Tín hiệu đỏ: Cấm đi.

9.4. Ý nghĩa của đèn phụ hình mũi tên:

9.4.1. Nếu đèn có lắp đèn phụ hình mũi tên màu xanh thì các loại phương tiện giao thông chỉ được đi khi tín hiệu mũi tên bật sáng cho phép. Tín hiệu mũi tên cho phép rẽ trái thì đồng thời cho phép quay đầu;

9.4.2. Khi tín hiệu mũi tên màu xanh được bật sáng cùng một lúc với tín hiệu đỏ hoặc vàng thì người điều khiển các loại phương tiện đi theo hướng mũi tên nhưng phải nhường đường cho các loại phương tiện đi từ các hướng khác đang được phép đi;

9.4.3. Khi tín hiệu mũi tên màu đỏ được bật sáng cùng lúc với tín hiệu đèn chính màu xanh thì phương tiện không được đi theo hướng mũi tên. Những nơi bố trí mũi tên màu đỏ phải bố trí làn chờ rẽ cho xe đi hướng bị cấm.

9.5. Điều khiển giao thông bằng loại đèn hai màu.

9.5.1. Điều khiển giao thông đối với người đi bộ bằng loại đèn hai màu: Khi tín hiệu màu đỏ có tín hiệu hình người tư thế đứng hoặc chữ viết "Dừng lại"; Khi tín hiệu màu xanh, có hình người tư thế đi hoặc chữ viết "Đi";

Người đi bộ chỉ được phép đi qua đường khi tín hiệu đèn xanh bật sáng và đi trong hàng đinh gắn trên mặt đường, vạch sơn. Tín hiệu đèn xanh nhấp nháy báo hiệu chuẩn bị chuyển sang tín hiệu màu đỏ;

9.5.2. Loại đèn hai màu xanh và đỏ không nhấp nháy dùng để điều khiển giao thông ở những nơi giao nhau với đường sắt, bến phà, cầu cất, dải cho máy bay lên xuống ở độ cao không lớn v.v... Đèn xanh bật sáng: Cho phép các phương tiện

giao thông được đi. Đèn đỏ bật sáng: Cấm đi. Hai đèn xanh và đỏ không được cùng bật sáng một lúc;

9.5.3. Loại đèn đỏ 2 bên thay nhau nhấp nháy nơi giao nhau với đường sắt, khi bật sáng thì mọi phương tiện phải ngừng lại và chỉ được đi khi đèn tắt. Ngoài ra để gây chú ý, ngoài đèn đỏ nhấp nháy còn trang bị thêm chuông điện hoặc tiếng nói nhắc nhở có tàu hỏa.

9.6. Để điều khiển giao thông cho từng loại phương tiện trên từng làn riêng có thể áp dụng đèn tín hiệu 2 hộp treo trên phần đường xe chạy, tín hiệu xanh có hình mũi tên chỉ xuống dưới, tín hiệu đỏ có hình hai gạch chéo. Những tín hiệu của đèn này có ý nghĩa như sau:

9.6.1. Tín hiệu xanh cho phép đi ở trên làn đường có mũi tên chỉ;

9.2.2. Tín hiệu đỏ cấm đi ở trên làn đường có đèn treo tín hiệu màu đỏ;

9.2.3. Khi cả hai tín hiệu đèn không bật sáng: Cấm tất cả các loại phương tiện đi vào làn đường này nếu làn đường này được đánh dấu bằng Vạch số 1.9 Phụ lục K.

Điều 10. Hiệu lực của đèn tín hiệu

Ở nơi đường giao nhau vừa có đèn tín hiệu vừa có biển báo hiệu thì lái xe phải tuân theo hiệu lệnh của đèn tín hiệu. Trong trường hợp đèn tín hiệu tắt hoặc có đèn tín hiệu vàng nhấp nháy thì lái xe phải tuân theo biển báo hiệu.

Điều 11. Tín hiệu của xe ưu tiên

11.1. Tín hiệu của xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ:

Xe chữa cháy có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu đỏ hoặc xanh gắn trên nóc xe; có còi phát tín hiệu ưu tiên;

11.2. Tín hiệu của xe quân sự đi làm nhiệm vụ khẩn cấp:

11.2.1. Xe ôtô có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu đỏ gắn trên nóc xe, cờ hiệu quân sự cắm ở đầu xe phía bên trái người lái; có còi phát tín hiệu ưu tiên.

11.2.2. Xe mô tô có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu đỏ gắn ở càng xe phía trước hoặc phía sau; cờ hiệu quân sự cắm ở đầu xe; có còi phát tín hiệu ưu tiên.

11.3. Tín hiệu của xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp:

11.3.1. Xe ôtô có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu xanh hoặc đỏ gắn trên nóc xe, cờ hiệu Công an cắm ở đầu xe phía bên trái người lái; có còi phát tín hiệu ưu tiên.

11.3.2. Xe mô tô có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu xanh hoặc đỏ gắn ở càng xe phía trước hoặc phía sau, cờ hiệu Công an cắm ở đầu xe; có còi phát tín hiệu ưu tiên.

11.4. Tín hiệu của xe cảnh sát giao thông dẫn đường:

11.4.1. Xe ôtô có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu xanh - đỏ gắn trên nóc xe, cờ hiệu Công an cắm ở đầu xe phía bên trái người lái; có còi phát tín hiệu ưu tiên.

11.4.2. Xe mô tô có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu xanh hoặc đỏ gắn ở càng xe phía trước hoặc phía sau; cờ hiệu Công an cắm ở đầu xe; có còi phát tín hiệu ưu tiên.

11.5. Tín hiệu của xe cứu thương đang thực hiện nhiệm vụ cấp cứu

Xe cứu thương có đèn quay hoặc đèn chớp phát sáng màu đỏ gắn trên nóc xe; có còi phát tín hiệu ưu tiên.

11.6. Tín hiệu của xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật:

11.6.1. Xe làm nhiệm vụ cứu hộ đê có cờ hiệu "HỘ ĐÊ" cắm ở đầu xe phía bên trái người lái.

11.6.2. Xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật thực hiện như sau:

a) Xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh có biển hiệu riêng.

b) Xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật có cờ hiệu "TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP" cắm ở đầu xe phía bên trái người lái.

11.7. Sử dụng tín hiệu của xe ưu tiên:

11.7.1. Xe được quyền ưu tiên chỉ được sử dụng tín hiệu ưu tiên khi đi làm nhiệm vụ;

17.1.2. Nghiêm cấm các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không thuộc loại xe được quyền ưu tiên lắp đặt, sử dụng còi, cờ, đèn phát tín hiệu ưu tiên hoặc xe được quyền ưu tiên nhưng lắp đặt, sử dụng tín hiệu còi, cờ, đèn ưu tiên không đúng quy định tại Khoản 11.1, Khoản 11.2, Khoản 11.3, Khoản 11.4, Khoản 11.5 và Khoản 11.6 của Điều này.

11.8. Khi có tín hiệu của xe được quyền ưu tiên, người tham gia giao thông phải nhanh chóng giảm tốc độ, tránh hoặc dừng lại sát lề đường bên phải để nhường đường. Không được gây cản trở xe được quyền ưu tiên.

Điều 12. Vị trí và độ cao đặt đèn tín hiệu

12.1. Mặt đèn phải vuông góc với tim làn đường phía tay phải người sử dụng đường theo hướng đi.

12.2. Theo chiều ngang đường: Đèn đặt trên lề đường hoặc giải phân cách và cách mép phần xe chạy từ 0,5m đến 2m;

12.3. Khi đèn bố trí theo chiều thẳng đứng: Chiều cao từ mặt đèn dưới cùng đến mép phần xe chạy từ 2m đến 3m đối với hộp đèn 3 màu và từ 2m đến 2,5m đối với hộp đèn 2 màu áp dụng cho người đi bộ. Khi đèn được đặt theo chiều ngang thì chiều cao tối thiểu là 5,2m tính từ điểm thấp nhất của đèn đến mặt đường;

12.4. Ở trong khu đông dân cư, khu đô thị, đèn có thể treo ở giữa nơi đường giao nhau phía trên phần xe chạy. Điểm thấp nhất của đèn đến phần xe chạy từ 5m đến 5,5m.

Điều 13. Kích thước, hình dạng và các quy định khác của đèn tín hiệu

Kích thước, hình dạng và các quy định khác của đèn tín hiệu quy định ở Phụ lục A.

Chương III
BIỂN BÁO HIỆU

Điều 14. Phân loại biển báo hiệu

Biển báo hiệu đường bộ nói trong Quy chuẩn này được chia thành 6 nhóm.

14.1. Nhóm biển báo cấm: Là hình tròn (trừ biển số 122 "Dừng lại" có hình 8 cạnh đều - hình bát giác) nhằm báo điều cấm hoặc hạn chế mà người sử dụng đường phải tuyệt đối tuân theo. Hầu hết các biển đều có viền đỏ, nền màu trắng, trên nền có hình vẽ màu đen đặc trưng cho điều cấm hoặc hạn chế sự đi lại của các phương tiện cơ giới, thô sơ và người đi bộ;

Nhóm biển báo cấm gồm có 40 kiểu được đánh số thứ tự từ biển số 101 đến biển số 140.

14.2. Nhóm biển báo nguy hiểm: Là hình tam giác đều, viền đỏ, nền màu vàng, trên có hình vẽ màu đen mô tả sự việc báo hiệu nhằm báo cho người sử dụng đường biết trước tính chất các sự nguy hiểm trên đường để có biện pháp phòng ngừa, xử trí. Nhóm biển báo nguy hiểm gồm có 47 kiểu được đánh số thứ tự từ biển số 201 đến biển số 247.

14.3. Nhóm biển hiệu lệnh: Là hình tròn, trừ biển số 310 là hình chữ nhật, nền màu xanh lam, trừ biển số 310 nền màu trắng, trên nền có hình vẽ màu trắng đặc trưng cho hiệu lệnh nhằm báo cho người sử dụng đường biết điều lệnh phải thi

hành. Nhóm biển hiệu lệnh gồm có 10 kiểu được đánh số thứ tự từ biển số 301 đến biển số 310.

14.4. Nhóm biển chỉ dẫn: Là hình chữ nhật, hình vuông hoặc hình chữ nhật vát nhọn một đầu, để báo cho người sử dụng đường biết những định hướng cần thiết hoặc những điều có ích khác trong hành trình, nền màu xanh lam gồm có 47 kiểu được đánh số thứ tự từ biển số 401 đến biển số 447;

14.5. Nhóm biển phụ: Là hình chữ nhật hoặc hình vuông, được đặt kết hợp với các biển báo nguy hiểm, báo cấm, biển hiệu lệnh và biển chỉ dẫn nhằm thuyết minh bổ sung nội dung biển chính hoặc được sử dụng độc lập. Nhóm biển phụ gồm có 9 kiểu được đánh số thứ tự từ biển số 501 đến biển số 509;

14.6. Nhóm biển sử dụng trên các tuyến đường đối ngoại: Nhóm biển này tuân thủ theo các quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

14.7. Ngoài 6 nhóm biển báo hiệu trên, Quy chuẩn này còn có loại biển viết bằng chữ có dạng hình chữ nhật nền màu xanh lam chữ màu trắng dùng để chỉ dẫn hoặc hiệu lệnh đối với xe thô sơ và người đi bộ. Đối với các tuyến đường đối ngoại, các biển bằng chữ đều phải viết thêm chữ tiếng Anh ở bên dưới chữ tiếng Việt, kích cỡ chữ bằng kích cỡ chữ tiếng Việt.

Điều 15. Kích thước của biển báo hiệu

15.1. Trong Quy chuẩn này quy định các thông số về kích thước biển, hình vẽ trong biển và chữ viết tương ứng với tốc độ thiết kế ≤ 60 km/h có hệ số là 1 (xem Hình 3 và Bảng 2);

15.2. Các đường có tốc độ thiết kế lớn hơn, kích thước biển, hình vẽ trong biển và chữ viết phải nhân với hệ số tương ứng trong Bảng 3, kích thước biển được làm tròn theo nguyên tắc:

- Số hàng đơn vị ≤ 5 thì lấy bằng 5;

- Số hàng đơn vị > 5 thì lấy bằng 0 và tăng số hàng chục lên 1 đơn vị.

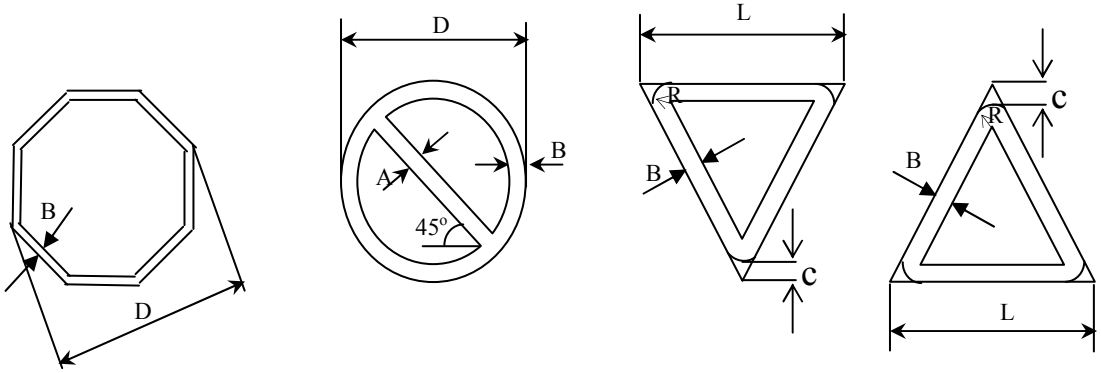

Hình 3. Kích thước các loại biển báo chính

Bảng 2. Kích thước cơ bản của biển báo hệ số 1

Đơn vị tính: cm

Loại biển	Kích thước	Độ lớn
Biển báo tròn	Đường kính ngoài của biển báo, D	70
	Chiều rộng của mép viền đỏ, B	10
	Chiều rộng của vạch đỏ, A	5
Biển báo bát giác	Đường kính ngoài biển báo, D	60
	Độ rộng viền trắng xung quanh, B	3
Biển báo tam giác	Chiều dài cạnh của hình tam giác, L	70
	Chiều rộng của viền mép đỏ, B	5
	Bán kính lượn tròn của viền mép đỏ, R	3,5
	Khoảng cách đỉnh cung tròn đến đỉnh tam giác cơ bản, c	3

Bảng 3. Hệ số kích thước biển báo

Tốc độ thiết kế (km/h)	101 ÷ 120	81 ÷ 100	61 ÷ 80	≤ 60
Biển báo cấm, biển hiệu lệnh, biển báo nguy hiểm	1,8	1,5	1,25	1
Biển chỉ dẫn	2	2	1,5	1

15.3. Đối với đường đô thị: căn cứ vào tốc độ khai thác để lựa chọn kích thước biển báo hiệu;

15.4. Tùy theo điều kiện thực tế, kích thước biển chỉ dẫn có thể tăng lên khi được Cơ quan có thẩm quyền cho phép;

15.5. Biển di động, tạm thời trong thời gian ngắn được phép dùng kích thước bằng 0,7 lần kích thước biển có kích thước hệ số 1;

15.6. Đối với các tuyến đường đối ngoại thì biển bằng chữ được điều chỉnh kích thước biển để bố trí đủ chữ viết trên cơ sở quy định của Quy chuẩn này.

Điều 16. Hiệu lực của biển báo theo chiều ngang đường

16.1. Hiệu lực của các loại biển báo nguy hiểm và chỉ dẫn có giá trị trên tất cả các làn đường của một chiều xe chạy;

16.2. Hiệu lực của các loại biển báo cấm và biển hiệu lệnh có thể có giá trị trên tất cả các làn đường hoặc chỉ có giá trị trên một hoặc một số làn của một chiều xe chạy. Nếu hiệu lực của biển báo cấm, biển hiệu lệnh chỉ hạn chế trên một hoặc một số làn đường thì nhất thiết phải treo biển ở phía trên làn đường (trên giá long môn). Mỗi làn đường treo riêng biệt một biển và biển số 504 "Làn đường" đặt ngay bên dưới biển chính.

Điều 17. Vị trí đặt biển báo theo chiều dọc và ngang đường

17.1. Biển báo hiệu phải đặt ở vị trí để người sử dụng đường dễ nhìn thấy và có đủ thời gian để chuẩn bị đề phòng, thay đổi tốc độ hoặc thay đổi hướng nhưng không được làm cản trở sự đi lại của người sử dụng đường;

Trường hợp không tính toán xác định cự ly nhìn thấy biển, cho phép lấy cự ly đảm bảo người sử dụng đường nhìn thấy biển báo hiệu là 150m trên những đường xe chạy với tốc độ cao và có nhiều làn đường, là 100m trên những đường ngoài phạm vi khu đông dân cư và 50m trên những đường trong phạm vi khu đông dân cư;

17.2. Biển được đặt về phía tay phải và mặt biển vuông góc với chiều đi. Biển phải đặt thẳng đứng; trong các trường hợp cần thiết cho phép lắp đặt thêm biển báo phía bên trái để nhắc lại biển đã lắp đặt phía bên phải;

Biển viết bằng chữ áp dụng riêng đối với xe thô sơ và người đi bộ, trong trường hợp hạn chế được phép đặt mặt biển song song với chiều đi.

17.3. Khoảng cách mép ngoài của biển phía phần xe chạy phải cách mép phần xe chạy là 0,5m. Trường hợp có khó khăn như không có lề đường, hè, khuất tầm nhìn hoặc trường hợp khác tương tự mới được phép xê dịch theo phương ngang nhưng mép biển phía phần xe chạy không được chờm lên mép phần xe chạy hoặc không cách mép phần xe chạy quá 1,7m;

17.4. Ở trong khu dân cư hoặc trên các đoạn đường có hè đường cao hơn phần xe chạy thì cho phép đặt biển trên hè đường nhưng mặt biển không được nhô ra quá hè đường và không choán quá nửa bề rộng hè đường. Nếu không đảm bảo được nguyên tắc đó thì phải treo biển ở phía trên phần xe chạy;

17.5. Trên những đoạn đường có phần đường thô sơ đi riêng, phân biệt bằng dải phân cách thì cho phép đặt biển trên dải phân cách;

17.6. Trên những đường xe chạy với tốc độ cao và có nhiều làn đường thì biển có thể treo ở phía trên phần xe chạy; có thể đặt biển hướng dẫn cho từng làn đường và biển được treo trên giá long môn.

Điều 18. Giá long môn

18.1. Giá long môn là kết cấu thép chịu được trọng lượng bản thân, trọng lượng biển báo và chịu được gió bão cấp 12;

18.2. Chân trụ giá long môn đặt ở lề đường, vỉa hè, phải cách mép ngoài mặt đường kể cả những nơi bố trí làn đường dừng xe khẩn cấp, làn đường tăng, giảm tốc ít nhất là 0,5m. Nếu chân trụ giá long môn đặt ở trong phạm vi dải phân cách, phải cách mép ngoài của dải phân cách ít nhất 0,5m;

18.3. Tĩnh không tính từ mép dưới của biển (nếu treo biển phía dưới) hoặc điểm thấp nhất của dầm ngang giá long môn (nếu treo biển phía trên) xuống mặt đường ít nhất là 5m.

Điều 19. Độ cao đặt biển

19.1. Biển phải được đặt chắc chắn cố định trên cột riêng như quy định ở Điều 21. Tuy nhiên ở khu đô thị, khu dân cư có thể cho phép kết hợp đặt biển trên cột điện hoặc những vật kiến trúc vĩnh cửu nhưng phải đảm bảo những tiêu chuẩn kỹ thuật đặt biển về vị trí, độ cao, khoảng cách nhìn thấy biển theo Quy chuẩn này;

19.2. Trường hợp treo biển trên cột: Độ cao đặt biển tính từ mép dưới của biển đến mép phần xe chạy là 1,8m đối với đường ngoài phạm vi khu đông dân cư và 2m đối với đường trong phạm vi khu đông dân cư. Biển số 507 "Hướng rẽ" đặt cao từ 1m đến 1,5m. Loại biển viết bằng chữ áp dụng riêng cho xe thô sơ và người đi bộ đặt cao hơn mặt lề đường hoặc hè đường là 1,8m;

19.3. Trường hợp biển treo ở phía trên phần xe chạy thì cạnh dưới của biển phải cao hơn tim phần xe chạy từ 5m đến 5,5m;

19.4. Nếu có nhiều biển cần đặt cùng một vị trí, cho phép đặt kết hợp trên cùng một cột nhưng không quá 3 biển và theo thứ tự ưu tiên như sau: biển cấm (1), biển báo nguy hiểm (2), biển hiệu lệnh (3), biển chỉ dẫn (4) như hình vẽ dưới đây :

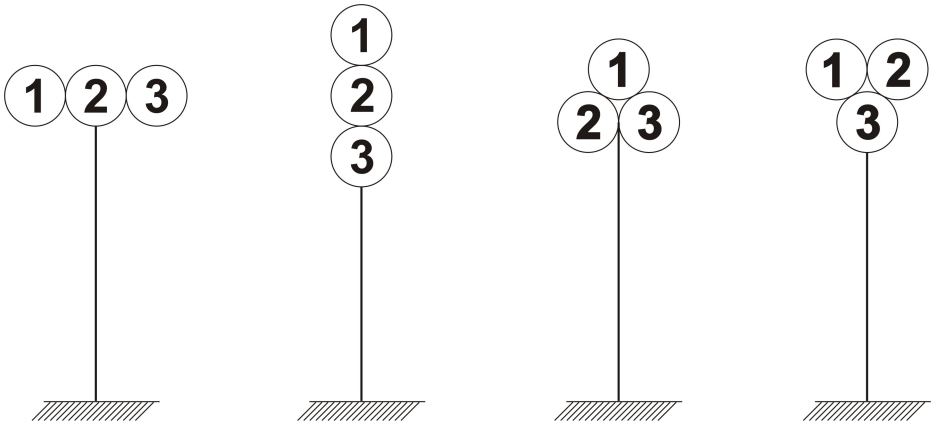

Hình 4. Sơ đồ kết hợp các biển báo trên một cột

19.5. Khoảng cách giữa các mép biển với nhau là 5cm, độ cao từ trung tâm phần có biển đến mép phần xe chạy là 1,8m đối với đường ngoài phạm vi khu đông dân cư và 2m đối với đường trong phạm vi khu đông dân cư.

Điều 20. Phản quang trên mặt biển báo

Tất cả các loại biển báo hiệu đường bộ phải được dán màng phản quang theo TCVN 7887 : 2008 Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ để thấy rõ cả ban ngày và ban đêm.

Điều 21. Quy định về cột biển

21.1. Cột biển báo hiệu phải làm bằng vật liệu chắc chắn (bằng thép hoặc vật liệu khác có độ bền tương đương) có kích thước tối thiểu là 8cm;

21.2. Cột biển phải được sơn từng đoạn trắng, đỏ xen kẽ nhau, song song hoặc xiên 30° so với mặt phẳng nằm ngang. Bề rộng mỗi đoạn sơn là 25cm ÷ 30cm, phần màu trắng và phần màu đỏ bằng nhau.

Chương IV
BIỂN BÁO CẤM

Điều 22. Tác dụng của biển báo cấm

Biển báo cấm để biểu thị các điều cấm. Người sử dụng đường phải chấp hành những điều cấm mà nội dung biển đã thể hiện.

Điều 23. Ý nghĩa sử dụng các biển báo cấm

23.1. Biển báo cấm là gồm có 40 kiểu được đánh số thứ tự từ biển số 101 đến biển số 140 với tên các biển như sau:

- Biển số 101: Đường cấm;
- Biển số 102: Cấm đi ngược chiều;
- Biển số 103(a): Cấm ôtô;
- Biển số 103(b, c): Cấm ôtô rẽ trái, rẽ phải;
- Biển số 104: Cấm môtô;
- Biển số 105: Cấm ôtô và môtô;
- Biển số 106(a, b): Cấm ôtô tải;
- Biển số 106(c): Cấm các xe chở hàng nguy hiểm (biển C,3^{h}-GMS);
- Biển số 107: Cấm ôtô khách và ôtô tải;

- Biển số 108: Cấm ôtô, máy kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc;
- Biển số 109: Cấm máy kéo;
- Biển số 110(a): Cấm đi xe đạp;
- Biển số 110(b): Cấm xe đạp thồ;
- Biển số 111(a): Cấm xe gắn máy;
- Biển số 111(b) hoặc (c): Cấm xe ba bánh loại có động cơ (xe lam, xích lô máy);
- Biển số 111(d): Cấm xe ba bánh không có động cơ (xích lô);
- Biển số 112: Cấm người đi bộ;
- Biển số 113: Cấm xe người kéo đẩy;
- Biển số 114: Cấm xe súc vật kéo;
- Biển số 115: Hạn chế trọng lượng xe;
- Biển số 116: Hạn chế trọng lượng trên trục xe (trục đơn);
- Biển số 117: Hạn chế chiều cao;
- Biển số 118: Hạn chế chiều ngang;
- Biển số 119: Hạn chế chiều dài ôtô;
- Biển số 120: Hạn chế chiều dài ôtô kéo moóc hoặc kéo sơ mi rơ moóc;
- Biển số 121: Cự ly tối thiểu giữa hai xe;
- Biển số 122: Dừng lại;
- Biển số 123(a,b): Cấm rẽ (phải, trái);
- Biển số 124(a): Cấm quay xe;
- Biển số 124(b): Cấm ôtô quay đầu xe;
- Biển số 125: Cấm vượt;
- Biển số 126: Cấm ôtô tải vượt;
- Biển số 127: Tốc độ tối đa cho phép;
- Biển số 128: Cấm sử dụng còi;
- Biển số 129: Dừng xe kiểm tra;
- Biển số 130: Cấm dừng xe và đỗ xe;
- Biển số 131(a,b,c): Cấm đỗ xe;
- Biển số 132: Nhường đường cho xe cơ giới ngược chiều qua đường hẹp;

- Biển số 133: Hết cấm vượt;
- Biển số 134: Hết hạn chế tốc độ;
- Biển số 135: Hết tất cả lệnh cấm;
- Biển số 136: Cấm đi thẳng;
- Biển số 137: Cấm rẽ trái và rẽ phải;
- Biển số 138: Cấm đi thẳng và rẽ trái;
- Biển số 139: Cấm đi thẳng và rẽ phải;
- Biển số 140: Cấm xe công nông.

23.2. Ý nghĩa sử dụng của từng kiểu biển được giải thích chi tiết ở Phụ lục B.

Điều 24. Biển báo cấm theo giờ

Khi cần thiết cấm phương tiện theo giờ phải đặt biển phụ 508 dưới biển cấm có thể viết thêm chú thích bằng tiếng Việt và phụ đề tiếng Anh trong biển này (nếu khu vực đó có nhiều người nước ngoài tham gia giao thông hoặc tuyến tham gia theo điều ước quốc tế).

Điều 25. Biển báo cấm nhiều loại phương tiện

Để báo đường cấm nhiều loại phương tiện có thể kết hợp đặt các ký hiệu phương tiện bị cấm trên một biển theo quy định như sau:

25.1. Các loại phương tiện cơ giới kết hợp trên một biển (ví dụ như biển số 105 và biển số 107);

25.2. Các loại phương tiện thô sơ kết hợp trên một biển (biển số 113 có thể kết hợp với biển số 114);

25.3. Để dễ quan sát và đủ diện tích bố trí hình vẽ mỗi biển chỉ kết hợp nhiều nhất là hai loại phương tiện;

25.4. Không kết hợp trên một biển vừa cấm phương tiện thô sơ vừa cấm phương tiện cơ giới trừ trường hợp đường giao thông hỗn hợp cần cấm một loại phương tiện thô sơ và một loại phương tiện cơ giới (ví dụ chỉ cấm xe xích lô và cấm ôtô tải thì kết hợp biển số 111 và biển số 106);

25.5. Không kết hợp trên một biển vừa cấm người đi bộ vừa cấm các loại phương tiện.

Điều 26. Kích thước, hình dạng và màu sắc của biển báo cấm

Biển có dạng hình tròn trừ biển số 122 "Dừng lại" có hình bát giác; các biển có nền màu trắng, trừ biển 102 và biển số 122 có nền màu đỏ, biển số 130, biển

số 131 có nền màu xanh lam. Các biển đều có viền đỏ rộng 10cm (tương ứng với biển kích thước hệ số 1). Riêng biển số 133, biển số 134, biển số 135 có viền xanh xung quanh rộng 2cm và biển số 122 xem chi tiết ở Phụ lục B. Các biển có đường gạch chéo nghiêng 45° màu đỏ rộng 5cm (tương ứng với biển kích thước hệ số 1) qua tâm từ phía trên bên trái xuống phía dưới bên phải (trừ biển số 129 là đường nằm ngang). Trừ một số biển sẽ chỉ dẫn cụ thể ở Phụ lục B, nói chung các biển có hình vẽ màu đen đè lên đường vạch chéo màu đỏ;

Kích thước, hình dạng và màu sắc của biển được quy định chi tiết ở Phụ lục B và Điều 15.

Điều 27. Vị trí đặt biển báo cấm theo chiều đi và hiệu lực tác dụng của biển

27.1. Biển báo cấm được đặt ở nơi đường giao nhau hoặc trước một vị trí trên đường cần cấm;

Biển có hiệu lực bắt đầu từ vị trí đặt biển trở đi. Nếu vì lý do nào đó, biển phải đặt cách xa vị trí định cấm thì phải đặt biển số 502 để chỉ rõ khoảng cách (ghi trên biển phụ) từ sau biển cấm đến vị trí biển bắt đầu có hiệu lực;

27.2. Khi cần thiết để chỉ rõ hướng tác dụng của biển và chỉ vị trí bắt đầu hay vị trí kết thúc hiệu lực của biển phải đặt biển số 503 "Hướng tác dụng của biển";

27.3. Các biển báo cấm từ biển số 101 đến biển số 120 không cần quy định phạm vi có hiệu lực của biển, không có biển báo hết cấm;

27.4. Kèm theo các biển báo cấm nói ở Khoản 27.3 phải đặt các biển chỉ dẫn lối đi cho xe bị cấm (trừ trường hợp đường cấm vì lý do đường, cầu bị tắc mà không có lối rẽ tránh) như quy định ở Chương VII về biển chỉ dẫn;

27.5. Hiệu lực của biển số 121 và biển số 128 có giá trị đến hết khoảng cách cấm ghi trên biển số 501 hoặc đến vị trí đặt biển số 135 "Hết tất cả các lệnh cấm";

Biển số 123 và biển số 129 có giá trị tại chỗ;

Biển số 124 có giá trị ở vị trí đường giao nhau hoặc căn cứ vào biển số 503;

Biển số 125, 126, 127, 130, 131 (a,b,c) có giá trị đến nơi đường giao nhau tiếp giáp, hoặc đến vị trí đặt biển hết cấm (các biển số 133, 134, 135) biển số 130 và 131 (a,b,c) còn căn cứ vào biển số 503;

27.6. Nếu đoạn đường phải thi hành biển cấm có giá trị rất dài thì tại các nơi đường giao nhau trong đoạn cấm có xe đi vào đoạn đường ấy thì các biển cấm phải được đặt nhắc lại.

Chương V
BIỂN BÁO NGUY HIỂM

Điều 28. Tác dụng của biển báo nguy hiểm

Biển báo nguy hiểm để cảnh báo các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra được dùng để báo cho người sử dụng đường, chủ yếu là người lái xe cơ giới biết trước tính chất của sự nguy hiểm trên tuyến đường để phòng ngừa. Khi gặp biển báo nguy hiểm, người lái xe phải giảm tốc độ đến mức cần thiết, chú ý quan sát và chuẩn bị sẵn sàng xử trí những tình huống có thể xẩy ra để phòng ngừa tai nạn.

Điều 29. Ý nghĩa sử dụng các biển báo nguy hiểm

29.1. Biển báo nguy hiểm gồm có 47 kiểu biển, được đánh số thứ tự từ biển số 201 đến biển số 247 với tên các biển như sau:

- Biển số 201(a, b): Chỗ ngoặt nguy hiểm;
- Biển số 202(a, b): Nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm liên tiếp;
- Biển số 203(a, b, c): Đường bị hẹp;
- Biển số 204: Đường hai chiều;
- Biển số 205(a, b, c, d, e): Đường giao nhau;
- Biển số 206: Giao nhau chạy theo vòng xuyến;
- Biển số 207(a, b, c, d, e, f, g, h, i, k): Giao nhau với đường không ưu tiên;
- Biển số 208: Giao nhau với đường ưu tiên;
- Biển số 209: Giao nhau có tín hiệu đèn;
- Biển số 210: Giao nhau với đường sắt có rào chắn;
- Biển số 211(a): Giao nhau với đường sắt không có rào chắn;
- Biển số 211(b): Giao nhau với đường tầu điện;
- Biển số 212: Cầu hẹp;
- Biển số 213: Cầu tạm;
- Biển số 214: Cầu quay - Cầu cất;
- Biển số 215: Kè, vực sâu phía trước;
- Biển số 216: Đường ngầm;
- Biển số 217: Bến phà;
- Biển số 218: Cửa chui;

- Biển số 219: Dốc xuống nguy hiểm;
- Biển số 220: Dốc lên nguy hiểm;
- Biển số 221(a): Đường có ổ gà, sống trâu;
- Biển số 221(b): Đường có sóng mấp mô nhân tạo;
- Biển số 222(a): Đường trơn;
- Biển số 222(b): Lề đường nguy hiểm;
- Biển số 223(a, b): Vách núi nguy hiểm;
- Biển số 224: Đường người đi bộ cắt ngang;
- Biển số 225: Trẻ em;
- Biển số 226: Đường người xe đạp cắt ngang;
- Biển số 227: Công trường;
- Biển số 228(a,b): Đá lở;
- Biển số 228(c): Sỏi đá bắn lên;
- Biển số 229: Dải máy bay lên xuống;
- Biển số 230: Gia súc;
- Biển số 231: Thú rừng vượt qua đường;
- Biển số 232: Gió ngang;
- Biển số 233: Nguy hiểm khác;
- Biển số 234: Giao nhau với đường hai chiều;
- Biển số 235: Đường đôi;
- Biển số 236: Hết đường đôi;
- Biển số 237: Cầu vồng;
- Biển số 238: Đường cao tốc phía trước;
- Biển số 239: Đường cáp điện ở phía trên;
- Biển số 240: Đường hầm;
- Biển số 241: Tắc nghẽn giao thông;
- Biển số 242(a, b): Nơi đường sắt giao vuông góc với đường bộ;
- Biển số 243: Nơi đường sắt giao không vuông góc với đường bộ;
- Biển số 244: Đoạn đường hay xảy ra tai nạn;

- Biển số 245(a, b): Đi chậm (a), Đi chậm theo điều ước quốc tế (b);

- Biển số 246(a,b,c): Chú ý chướng ngại vật.

- Biển số 247: Chú ý xe đỗ

29.2. Ý nghĩa sử dụng kiểu biển được giải thích chi tiết ở Phụ lục C.

Điều 30. Kích thước, hình dạng và màu sắc của biển báo nguy hiểm

30.1. Biển báo nguy hiểm có hình dạng tam giác đều, ba đỉnh lượn tròn; một cạnh nằm ngang, đỉnh tương ứng hướng lên phía trên, trừ biển số 208 "Giao nhau với đường ưu tiên" thì đỉnh tương ứng hướng xuống phía dưới;

30.2. Kích thước biển tỷ lệ thuận với tốc độ thiết kế; nền biển màu vàng nhạt, xung quanh viền đỏ rộng 5cm (tương ứng với biển có kích thước hệ số 1), trừ biển số 247 có kích thước bằng 0,6 lần kích thước biển hệ số 1; hình vẽ trong biển nếu không có chú dẫn đặc biệt thì là màu đen;

Kích thước cụ thể của hình vẽ và màu sắc được quy định chi tiết ở Phụ lục C và Điều 15.

Điều 31. Vị trí đặt biển báo nguy hiểm theo chiều đi và hiệu lực tác dụng của biển

31.1. Biển báo nguy hiểm được đặt cách nơi định báo một khoảng cách tùy thuộc vào tốc độ trung bình của xe ôtô trong phạm vi 10km tại vùng đặt biển; trường hợp không tính toán để xác định khoảng cách được thì theo bảng quy định dưới đây:

Bảng 4. Khoảng cách từ nơi đặt biển đến chỗ định báo

Tốc độ trung bình của xe trong khoảng 10km ở vùng đặt biển	Khoảng cách từ nơi đặt biển đến chỗ định báo
- Dưới 20km/h	- Dưới 50m
- Từ 20km/h đến dưới 35km/h	- Từ 50m đến dưới 100m
- Từ 35km/h đến dưới 50km/h	- Từ 100m đến dưới 150m
- Từ 50km/h trở lên	- Từ 150m đến 250m

31.2. Khoảng cách từ biển đến nơi định báo phải thống nhất trên cả đoạn đường có tốc độ trung bình xe như nhau. Trường hợp đặc biệt cần thiết, có thể đặt biển xa hoặc gần hơn nhưng phải có thêm biển số 502 "Khoảng cách đến đối tượng báo hiệu";

Biển số 208 “Giao nhau với đường ưu tiên”: trong khu đông dân cư đặt trực tiếp trước vị trí giao nhau với đường ưu tiên, ngoài khu đông dân cư thì tùy theo đặt xa hay gần vị trí giao nhau với đường ưu tiên mà có thêm biển số 502.

31.3. Mỗi kiểu biển báo báo một yếu tố nguy hiểm có thể xảy ra ở một vị trí hoặc một đoạn ngắn hoặc một đoạn đường dài. Trường hợp bên dưới các biển số 202 (a,b,c), 219, 220, 221a, 225, 228, 231, 232 nếu yếu tố nguy hiểm xảy ra trên một đoạn đường thì phải đặt biển số 501 "Phạm vi tác dụng của biển" để chỉ rõ chiều dài đoạn đường nguy hiểm. Nếu chiều dài có cùng yếu tố nguy hiểm lớn hơn 500m thì cứ sau mỗi khoảng cách 500m phải đặt một biển nhắc lại kèm biển số 501 ghi chiều dài yếu tố nguy hiểm còn lại tiếp đó;

31.4. Trong phạm vi những đoạn đường hạn chế tốc độ:

31.4.1. Trường hợp chỗ ngoặt nguy hiểm phải hạn chế tốc độ tối đa nhỏ hơn 25 km/h thì không phải đặt biển báo chỗ ngoặt nguy hiểm (biển số 201a,b và biển số 202a, b, c);

31.4.2. Trường hợp đường xấu, trơn, không bằng phẳng phải hạn chế tốc độ tối đa từ 10 km/h đến 15 km/h thì không phải đặt biển báo về đường không bằng phẳng, đường trơn (biển số 221a,b và biển số 222a,b);

31.5. Đường phố do tốc độ xe phải đi chậm, liên tục có đường giao nhau thông thường tại ngã ba ngã tư thì không đặt biển số 205(a, b, c, d, e) "Đường giao nhau".

Chương VI
BIỂN HIỆU LỆNH

Điều 32. Tác dụng của biển hiệu lệnh

Biển hiệu lệnh để báo các hiệu lệnh cho người sử dụng đường phải thi hành. Khi đi trên đường, các phương tiện, người đi bộ tham gia giao thông đều phải chấp hành.

Điều 33. Ý nghĩa sử dụng các biển hiệu lệnh

33.1. Biển hiệu lệnh gồm 10 kiểu biển, được đánh số thứ tự từ biển số 301 đến biển số 310 với tên các biển như sau:

- Biển số 301(a, b, c, d, e, f, h, i): Hướng đi phải theo;

- Biển số 302(a,b): Hướng phải đi vòng chướng ngại vật;

- Biển số 303: Nơi giao nhau chạy theo vòng xuyến;

- Biển số 304: Đường dành cho xe thô sơ;

- Biển số 305: Đường dành cho người đi bộ;

- Biển số 306: Tốc độ tối thiểu cho phép;

- Biển số 307: Hết hạn chế tốc độ tối thiểu;

- Biển số 308(a,b): Đi thẳng hoặc rẽ trái (phải) trên cầu vượt;

- Biển số 309: Ấn còi;

- Biển số 310 (a,b,c)" Hướng đi phải theo cho các xe chở hàng nguy hiểm".

33.2. Ý nghĩa sử dụng của từng kiểu biển được giải thích chi tiết ở Phụ lục D.

Điều 34. Kích thước, hình dạng và màu sắc của biển hiệu lệnh

34.1. Biển hiệu lệnh có dạng hình tròn, kích thước biển tỷ lệ thuận với tốc độ thiết kế, nền biển màu xanh lam, hình vẽ và chữ số màu trắng. Biển số 307 có gạch chéo màu đỏ rộng 9cm (tương ứng với biển có kích thước hệ số 1) được gạch từ bên phải phía trên xuống bên trái phía dưới. Gạch chéo hợp thành với đường thẳng nằm ngang một góc 30° và đè lên chữ số. Biển số 310 có dạng hình chữ nhật nền màu trắng;

34.2. Kích thước cụ thể của hình vẽ trên các biển được quy định chi tiết ở Phụ lục D và Điều 15.

Điều 35. Vị trí đặt biển hiệu lệnh theo chiều đi và hiệu lực tác dụng của biển

35.1. Các biển hiệu lệnh phải đặt trực tiếp tại vị trí cần báo hiệu lệnh, do điều kiện khó khăn nếu đặt xa hơn phải đặt kèm biển số 502;

35.2. Các biển hiệu lệnh có hiệu lực kể từ vị trí đặt biển. Riêng biển số 301a nếu đặt ở sau ngã tư thì hiệu lực của biển kể từ vị trí đặt biển đến ngã tư tiếp theo. Biển không cấm xe rẽ phải, rẽ trái để vào cổng nhà hoặc ngõ phố trên đoạn đường có hiệu lực của biển.

Chương VII
BIỂN CHỈ DẪN

Điều 36. Tác dụng của biển chỉ dẫn

36.1. Các biển chỉ dẫn để chỉ dẫn hướng đi hoặc các điều cần thiết nhằm giúp người sử dụng đường trong việc điều khiển phương tiện và hướng dẫn giao thông trên đường được thuận lợi, đảm bảo an toàn;

36.2. Đối với những người điều khiển phương tiện chưa quen đường, biển chỉ dẫn là phương tiện giúp đỡ không thể thiếu được.

Điều 37. Ý nghĩa sử dụng các biển chỉ dẫn

37.1. Biển chỉ dẫn gồm có 47 kiểu được đánh số thứ tự từ biển số 401 đến biển số 447 với tên các biển như sau:

- Biển số 401: Bắt đầu đường ưu tiên;
- Biển số 402: Hết đường ưu tiên;
- Biển số 403(a,b): Đường dành cho ôtô, xe máy;
- Biển số 404(a,b): Hết đường dành cho ôtô, xe máy;
- Biển số 405(a,b,c): Đường cụt;
- Biển số 406: Được ưu tiên qua đường hẹp;
- Biển số 407(a,b,c): Đường một chiều;
- Biển số 408: Nơi đỗ xe;
- Biển số 409: Chỗ quay xe;
- Biển số 410: Khu vực quay xe;
- Biển số 411: Hướng đi trên mỗi làn đường trên đường có nhiều làn được chia theo vạch kẻ đường;
- Biển số 412(a,b,c,d): "Làn đường dành riêng cho từng loại xe";
- Biển số 413(a): Đường có làn đường dành cho ôtô khách;
- Biển số 413(b,c): Rẽ ra đường có làn đường dành cho ôtô khách;
- Biển số 414(a,b,c,d): Chỉ hướng đường;
- Biển số 415: Mũi tên chỉ hướng đi;
- Biển số 416: Lối đi đường vòng tránh;
- Biển số 417(a,b,c): Chỉ hướng đường phải đi cho từng loại xe;
- Biển số 418: Lối đi ở những chỗ cấm rẽ;
- Biển số 419: Chỉ dẫn địa giới;
- Biển số 420: Bắt đầu khu đông dân cư;
- Biển số 421: Hết khu đông dân cư;
- Biển số 422: Di tích lịch sử;
- Biển số 423(a,b): Đường người đi bộ sang ngang;

- Biển số 424(a,b): Cầu vượt qua đường cho người đi bộ;
- Biển số 424(c,d) "Hầm chui qua đường cho người đi bộ"
- Biển số 425: Bệnh viện;
- Biển số 426: Trạm cấp cứu;
- Biển số 427(a): Trạm sửa chữa;
- Biển số 427(b): Trạm kiểm tra tải trọng xe;
- Biển số 428: Trạm cung cấp xăng dầu;
- Biển số 429: Nơi rửa xe;
- Biển số 430: Điện thoại;
- Biển số 431: Trạm dừng nghỉ;
- Biển số 432: Khách sạn;
- Biển số 433: Nơi nghỉ mát;
- Biển số 434(a): Bến xe buýt;
- Biển số 434(b): Bến xe tải;
- Biển số 435: Bến xe điện;
- Biển số 436: Trạm cảnh sát giao thông;
- Biển số 437: Đường cao tốc;
- Biển số 438: Hết đường cao tốc;
- Biển số 439: Tên cầu;
- Biển số 440: Đoạn đường thi công;
- Biển số 441(a,b,c): Báo hiệu phía trước có công trường thi công;
- Biển số 442: Báo hiệu nơi có chợ họp;
- Biển số 443: Biển báo xe kéo moóc;
- Biển số 444: Biển báo chỉ dẫn địa điểm;
- Biển số 445: Biển báo kiểu mô tả tình trạng đường xá;
- Biển số 446: Nơi đỗ xe dành cho người tàn tật;
- Biển số 447: Biển báo cầu vượt liên thông;

37.2. Ý nghĩa sử dụng của từng kiểu biển được giải thích chi tiết ở Phụ lục E.

Điều 38. Chú thích về chữ viết trên biển chỉ dẫn

Biển chỉ dẫn viết bằng chữ đặt trong thành phố, thị xã và những tuyến quốc lộ có nhiều phương tiện do người nước ngoài điều khiển thêm phụ đề tiếng Anh bên dưới hàng chữ tiếng Việt nhưng chữ tiếng Anh phải nhỏ hơn và bằng 1/2 chữ tiếng Việt.

Điều 39. Kích thước, hình dạng và màu sắc của biển chỉ dẫn

39.1. Biển chỉ dẫn có hình dạng là hình vuông, hình chữ nhật hoặc hình chữ nhật vát nhọn một đầu;

39.2. Các biển có nền là màu xanh lam, hình vẽ và chữ viết màu trắng. Nếu nền màu trắng thì hình vẽ và chữ viết màu đen trừ một số biển chỉ dẫn khác với quy định này được cụ thể ở Phụ lục E;

39.3. Kích thước chi tiết của hình vẽ, chữ viết, con số và màu sắc của các biển quy định ở Phụ lục E và Điều 15;

Điều 40. Vị trí đặt biển chỉ dẫn theo chiều đi

Tùy theo tính chất, mỗi kiểu biển được đặt ở một vị trí quy định như sau:

40.1. Biển số 401,402, 403, 404 và 420, 421 phải đặt ngay tại vị trí bắt đầu và vị trí cuối của đường ưu tiên, đường dành cho ôtô và của khu đông dân cư;

40.2. Biển số 407 (a,b,c), 411, 412(a,b,c,d), 413 (a,b,c) và 418 đặt ở khu vực đường giao nhau:

Biển số 407a, 412(a,b,c,d), 413a đặt sau nơi đường giao nhau;

Biển số 407 (b,c), 413 (b,c) đặt trước nơi đường giao nhau;

Biển số 418 đặt trước biển báo cấm rẽ và cách nơi đường giao nhau được chỉ dẫn trên biển ít nhất 30m;

40.3. Biển số 405 (a,b,c), 414 (a,b,c,d), 416, 417 (a,b) nhằm mục đích chỉ dẫn cho các loại xe cơ giới là chủ yếu, phải đặt biển báo nguy hiểm ở vị trí cách nơi đường giao nhau từ 20m đến 50m. Trường hợp không đặt biển nguy hiểm thì biển chỉ dẫn trên phải đặt cách nơi đường giao nhau định chỉ dẫn một khoảng cách như quy định ở Điều 31.1;

40.4. Biển số 406, 408, 409, 410, 417c và các biển từ biển số 422 đến biển số 436 được đặt ngay tại vị trí trước và sát đoạn đường cần chỉ dẫn, nếu đặt trước cách xa hơn hoặc nếu đặt cách xa hơn phải kèm biển số 502.

Điều 41. Quy định về biển chỉ dẫn chỉ hướng đường

41.1. Tất cả các nút giao đường bộ phải đặt biển chỉ hướng đường (biển số 414 a,b,c,d). Trong khu dân cư thì cho phép châm chước chỉ đặt biển trên các hướng chủ yếu nối khu dân cư đó với địa danh lịch sử, đô thị, khu dân cư, khu du lịch, khu công nghiệp lân cận tiếp theo;

41.2. Biển số 414 (a,b) dùng trong trường hợp chỉ có một địa danh khu dân cư trên hướng đường cần phải chỉ dẫn. Biển số 414 (c,d) dùng trong trường hợp có từ hai địa danh khu dân cư cần phải chỉ dẫn;

41.3. Trên mỗi hướng đường ghi nhiều nhất là ba địa danh phải chỉ dẫn. Địa danh ở xa hơn phải viết xuống dưới, lần lượt những địa danh đã ghi trên biển phải được giữ nguyên trên những biển chỉ đường tiếp theo cho đến vị trí của địa danh gần nhất đã ghi trên biển;

41.4. Địa danh và khoảng cách ghi trên biển quy định như sau:

41.4.1. Những địa danh được chỉ dẫn phải là địa danh mà tuyến đường đi qua. Việc lựa chọn địa danh để chỉ dẫn theo thứ tự ưu tiên sau đây và được sử dụng trên tất cả các loại hệ thống đường (ĐCT, QL, ĐT, ĐH, ĐX, ĐĐT) trừ hệ thống đường chuyên dùng:

- Tên thành phố trực thuộc Trung ương;

- Tên thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tên tỉnh lỵ (trung tâm hành chính cấp tỉnh);

Chú ý: Không báo tên tỉnh trừ trường hợp tên tỉnh trùng với tên tỉnh lỵ.

- Tên thị xã;

- Tên huyện lỵ (trung tâm hành chính cấp huyện);

Chú ý: Không báo tên huyện trừ trường hợp tên huyện trùng với tên huyện lỵ.

- Tên thị trấn;

- Di tích lịch sử hoặc danh lam thắng cảnh;

- Tên ngã ba, ngã tư quan trọng, tên điểm đầu hoặc điểm cuối tuyến đường;

41.4.2. Trên đường chuyên dùng chỉ ghi địa danh nơi đường giao nhau, điểm đầu hoặc điểm cuối tuyến đường;

41.4.3. Khoảng cách ghi trên biển là cự ly từ vị trí đặt biển đến trung tâm địa danh phải chỉ dẫn và ghi số chẵn đến kilômét. Cự ly từng đoạn phải phù hợp với cự ly toàn bộ và phải thống nhất cả hai chiều xe chạy;

Chương VIII
BIỂN PHỤ, BIỂN VIẾT BẰNG CHỮ

Điều 42. Biển phụ

42.1. Tác dụng của biển phụ:

Biển phụ thường được đặt kết hợp với các biển báo chính: biển báo nguy hiểm, biển báo cấm, biển hiệu lệnh và biển chỉ dẫn nhằm thuyết minh bổ sung để hiểu rõ trừ biển số 507 "Hướng rẽ" được sử dụng độc lập;

42.2. Ý nghĩa sử dụng biển phụ:

42.2.1. Biển phụ gồm có 09 kiểu được đánh số thứ tự từ biển số 501 đến biển số 509 với tên các biển như sau:

- Biển số 501: Phạm vi tác dụng của biển;
- Biển số 502: Khoảng cách đến đối tượng báo hiệu ;
- Biển số 503(a,b,c,d,e,f): Hướng tác dụng của biển;
- Biển số 504: Làn đường;
- Biển số 505a: Loại xe;
- Biển số 505b: Loại xe hạn chế qua cầu;
- Biển số 505c: Tải trọng trục hạn chế qua cầu
- Biển số 506(a,b): Hướng đường ưu tiên;
- Biển số 507: Hướng rẽ;
- Biển số 508(a,b): Biểu thị thời gian ;
- Biển số 509(a,b): Thuyết minh biển chính.

42.2.2. Ý nghĩa sử dụng của từng kiểu biển được giải thích chi tiết ở Phụ lục F.

42.3. Kích thước, hình dạng và màu sắc biển phụ:

42.3.1. Biển phụ có hình dạng là hình chữ nhật hoặc hình vuông;

50.3.2. Các biển có nền là màu trắng, hình vẽ và chữ viết màu đen. Biển số 509 có nền là màu xanh lam, chữ viết màu trắng. Biển số 507 và 508 (a,b) có đặc điểm riêng chỉ dẫn ở Phụ lục G;

42.3.3. Kích thước chi tiết của hình vẽ, chữ viết, con số và màu sắc của các biển quy định ở Phụ lục G và Điều 15 (kích thước biển phụ tương ứng với biển chính).

42.4. Vị trí đặt biển phụ:

Các biển phụ đều được đặt ngay phía dưới biển chính trừ biển số 507 sử dụng độc lập được đặt ở phía lưng đường cong đối diện với hướng đi hoặc đặt ở giữa đảo an toàn nơi đường giao nhau.

Điều 43 Biển viết bằng chữ

43.1. Biển viết bằng chữ áp dụng cho người đi bộ và xe thô sơ dùng trong trường hợp không áp dụng được các kiểu biển đã quy định ở Chương IV, VI và VII;

43.2. Biển hình chữ nhật. Biển dùng để chỉ dẫn có nền màu xanh chữ viết màu trắng, biển dùng để báo cấm hay hiệu lệnh có nền màu đỏ chữ viết màu trắng;

43.3. Hàng chữ viết trên biển tùy theo nội dung chỉ dẫn hoặc hiệu lệnh nhưng phải ngắn, gọn. Biển dùng để báo cấm bắt đầu bằng chữ "Cấm".

Điều 44. Hình dạng, kích thước, hình vẽ của biển phụ, biển viết bằng chữ

Hình dạng, kích thước, hình vẽ của biển quy định tại Phụ lục G và Điều 15. Hình dạng biển viết bằng chữ là hình chữ nhật có chiều rộng tối thiểu 20cm.

Điều 45. Chữ viết và chữ số của biển phụ, biển viết bằng chữ

45.1. Tất cả những chữ viết, chữ số ghi trên biển và cột kilômét dùng thống nhất theo hai kiểu: kiểu chữ nét thông thường và kiểu chữ nét gầy như trong Phụ lục K;

45.2. Kiểu chữ nét thông thường dùng trong trường hợp hàng chữ ngắn và trung bình;

45.3. Kiểu chữ nét gầy dùng trong trường hợp hàng chữ dài;

45.4. Trên một hàng chữ bao giờ cũng phải dùng thống nhất một kiểu chữ;

45.5. Kích thước chữ và nét chữ trong Phụ lục K là ứng với chiều cao chữ và con số là 20cm. Nếu chiều cao chữ viết và chiều cao chữ số quy định lớn hơn hoặc nhỏ hơn thì các kích thước khác và bề rộng nét chữ cũng phải tăng thêm hoặc rút bớt tỷ lệ chiều cao quy định;

45.6. Chiều cao chữ viết của biển viết bằng chữ nhỏ nhất là 10cm (ứng với hệ số 1).

Chương IX
VẠCH KẺ ĐƯỜNG

Điều 46. Ý nghĩa, tác dụng của vạch kẻ đường

46.1. Vạch kẻ đường là một dạng báo hiệu để hướng dẫn, điều khiển giao thông nhằm nâng cao an toàn và khả năng thông xe;

46.2. Vạch kẻ đường có thể dùng độc lập và có thể kết hợp với các loại biển báo hiệu đường bộ hoặc đèn tín hiệu chỉ huy giao thông;

46.3. Vạch kẻ đường bao gồm các loại vạch, chữ viết ở trên mặt đường xe chạy, trên thành vỉa hè, trên các công trình giao thông và một số bộ phận khác của đường để quy định trật tự giao thông, chỉ rõ khổ giới hạn của các công trình giao thông, chỉ hướng đi quy định của làn đường xe chạy.

Điều 47. Phân loại vạch kẻ đường

47.1. Vạch kẻ đường chia làm hai loại: Vạch nằm ngang (bao gồm vạch trên mặt đường: vạch dọc đường, ngang đường và những loại vạch tương tự khác) và vạch đứng;

47.2. Vạch nằm ngang dùng để quy định phần đường xe chạy có màu trắng trừ một số vạch quy định ở Phụ lục G, Phụ lục H có màu vàng;

47.3. Vạch đứng kẻ trên thành vỉa hè các công trình giao thông và một số bộ phận khác của đường. Loại vạch này kết hợp giữa vạch trắng và vạch đen.

Điều 48. Ý nghĩa sử dụng và những chỉ tiêu kỹ thuật của các vạch kẻ đường

Ý nghĩa sử dụng và những chỉ tiêu kỹ thuật của các vạch kẻ đường được quy định ở Phụ lục G, Phụ lục H.

Điều 49. Hiệu lực của vạch kẻ đường

Vạch kẻ đường khi sử dụng độc lập thì mọi người tham gia giao thông phải tuân theo ý nghĩa của vạch kẻ đường. Vạch kẻ đường khi sử dụng kết hợp với đèn tín hiệu, biển báo hiệu thì mọi người tham gia giao thông phải tuân theo ý nghĩa, hiệu lệnh của cả vạch kẻ đường và đèn tín hiệu, biển báo hiệu theo thứ tự quy định tại Điều 3 của Quy chuẩn này.

Chương X
CỌC TIÊU, TƯỜNG BẢO VỆ VÀ HÀNG RÀO CHẮN

Điều 50. Tác dụng của cọc tiêu hoặc tường bảo vệ

Cọc tiêu hoặc tường bảo vệ đặt ở lề đường các đoạn đường nguy hiểm có tác dụng hướng dẫn cho người sử dụng đường biết phạm vi phần đường an toàn và hướng đi của tuyến đường.

Điều 51. Hình dạng và kích thước cọc tiêu

Cọc tiêu có tiết diện là hình vuông, cạnh 15cm; chiều cao cọc tiêu tính từ vai đường đến đỉnh cọc là 70cm; ở những đoạn đường cong, có thể trồng cọc tiêu thay đổi chiều cao cọc, cao dần từ 40cm tại tiếp đầu, tiếp cuối đến 70cm tại phân giác. Phần cọc trên mặt đất được sơn trắng, đoạn 10cm ở đầu trên cùng sơn màu đỏ bằng chất liệu phản quang.

Điều 52. Các trường hợp cắm cọc tiêu

52.1. Những trường hợp sau đều phải cắm cọc tiêu:

52.1.1. Phía lưng các đường cong từ tiếp đầu đến tiếp cuối;

52.1.2. Đường hai đầu cầu. Trường hợp bề rộng cầu hẹp hơn bề rộng nền đường thì những cọc tiêu ở sát đầu cầu phải liên kết thành hàng rào chắn hoặc xây tường bảo vệ. Khoảng cách giữa hai cọc tiêu trong trường hợp này là 3m;

52.1.3. Hai đầu cống nơi chiều dài cống hẹp hơn bề rộng nền đường. Các cọc tiêu phải liên kết thành hàng rào chắc chắn hoặc xây tường bảo vệ, khoảng cách giữa hai cọc tiêu trong trường hợp này từ 2m ÷ 3m;

52.1.4. Các đoạn nền đường bị thắt hẹp;

52.1.5. Các đoạn nền đường đắp cao từ 2m trở lên;

52.1.6. Các đoạn đường men theo sông, suối, đầm, hồ, ao;

52.1.7. Các đoạn đường bộ giao nhau với đường sắt cùng mức;

52.1.8. Dọc hai bên những đoạn đường bị ngập nước thường xuyên hoặc chỉ ngập theo mùa và hai bên thân đường ngầm;

52.1.9. Các đoạn đường qua bãi cát, đồng lầy, đồi cỏ mà khó phân biệt mặt đường phần xe chạy với dải đất hai bên đường.

Điều 53. Kỹ thuật cắm cọc tiêu

53.1. Đường mới xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo, cọc tiêu cắm sát vai đường và phải cách mép phần xe chạy tối thiểu 0,5m;

53.2. Đường đang sử dụng, lề đường không đủ rộng thì cọc tiêu cắm sát vai đường;

53.3. Nếu đường đã có hàng cây xanh trồng ở trên vai đường hoặc lề đường, cho phép cọc tiêu cắm ở sát mép hàng cây nhưng bảo đảm quan sát thấy rõ hàng cọc, nhưng không lấn vào phía tim đường làm thu hẹp phạm vi sử dụng của đường;

53.4. Nếu ở vị trí theo quy định phải cắm cọc tiêu đã có tường xây hoặc rào chắn bê tông cao trên 0,40m thì không phải cắm cọc tiêu;

53.5. Lề đường ở trong hàng cọc tiêu phải bằng phẳng chắc chắn, không gây nguy hiểm cho xe khi đi ra sát hàng cọc tiêu và không có vật chướng ngại che khuất hàng cọc tiêu;

53.6. Đối với đường đang sử dụng, nếu nền và mái đường không bảo đảm được nguyên tắc nêu ở Khoản 53.2 thuộc Điều này, thì tạm thời cho phép cắm cọc tiêu lấn vào trong lề đường đến phạm vi an toàn.

53.7. Cọc tiêu phải cắm thẳng hàng trên đường thẳng và lượn cong dần trong đường cong:

53.7.1. Khoảng cách giữa hai cọc tiêu (S) trên đường thẳng là S = 10m;

53.7.2. Khoảng cách giữa hai cọc tiêu trên đường cong:

a) Nếu đường cong có bán kính R = 10m đến 30m thì khoảng cách giữa hai cọc tiêu S = 3m;

b) Nếu đường cong có bán kính R: 30m <R ≤ 100m thì khoảng cách giữa hai cọc tiêu S = 4m ÷ 6m;

c) Nếu đường cong có bán kính R > 100m thì S = 8m ÷ 10m;

d) Khoảng cách giữa hai cọc tiêu ở tiếp đầu và tiếp cuối có thể bố trí rộng hơn 3m so với khoảng cách của hai cọc tiêu trong phạm vi đường cong.

53.7.3. Khoảng cách giữa hai cọc tiêu trên đoạn đường dốc (cong đứng)

a) Nếu đường dốc ≥ 3% khoảng cách giữa hai cọc tiêu là 5m;

b) Nếu đường dốc < 3% khoảng cách giữa hai cọc tiêu là 10m.

(Không áp dụng đối với đầu cầu cầu và đầu cống)

53.7.4. Mỗi hàng cọc tiêu cắm ít nhất là 6 cọc.

Điều 54. Hàng cây thay thế cọc tiêu

Trên những đoạn đường thẳng, nếu hàng cây có đủ điều kiện như sau thì được phép sử dụng thay thế cọc tiêu:

54.1. Khoảng cách giữa hai cây khoảng 10m và tương đối bằng nhau (đường kính 0,15m trở lên) thẳng hàng;

54.2. Hàng cây trồng ở ngay vai đường hoặc trên lề đường;

54.3. Thân cây được thường xuyên quét vôi trắng từ độ cao trên vai đường 1,5m trở xuống.

Điều 55. Tường bảo vệ

55.1. Có thể xây tường bảo vệ để thay thế cọc tiêu. Tường bảo vệ thay thế cọc tiêu phải tuân theo các quy định từ Điều 52 đến Điều 53 như đối với cọc tiêu;

55.2. Tường bảo vệ dày tối thiểu từ 0,2 ÷ 0,3m cao trên vai đường từ 0,5 ÷ 0,6m, chiều dài từng đoạn tường là 2m. Khoảng cách giữa hai đoạn tường trong đường thẳng cũng như đường cong là 2m.

Điều 56. Hàng rào chắn cố định

54.1. Hàng rào chắn cố định đặt ở những vị trí nền đường bị thắt hẹp, ở đầu cầu, đầu cống hoặc ở đầu những đoạn đường cấm, đường cụt, không cho xe, người qua lại;

54.2. Trên các bộ phận của hàng rào chắn (cột, thanh ngang) phải sơn theo đúng ý nghĩa sử dụng và chỉ tiêu kỹ thuật quy định ở Điều 48 của Quy chuẩn này và dùng sơn có phản quang;

56.3. Trường hợp hàng rào chắn là vật liệu thép mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng thì có thể không sơn nhưng bắt buộc phải gắn mắt phản quang ở thanh ngang trên cùng tại vị trí cột.

Điều 57. Hàng rào chắn di động.

57.1. Hàng rào chắn di động là những hàng rào chắn có thể di động theo yêu cầu, hoặc đóng mở được;

57.2. Hàng rào chắn di động đặt ở những vị trí cần điều khiển sự đi lại và kiểm soát giao thông;

57.3. Chiều cao hàng rào chắn di động là 0,85m, chiều dài là suốt phần đường cấm;

57.4. Trên các bộ phận của hàng rào chắn (cột, thanh ngang) phải sơn theo đúng ý nghĩa sử dụng và chỉ tiêu kỹ thuật quy định ở Điều 48 của Quy chuẩn này và dùng sơn có phản quang.

Điều 58. Dải phân cách đường

Dùng để chia mặt đường thành 2 chiều đi và về riêng biệt của các loại phương tiện, hoặc phân cách ranh giới giữa làn đường xe cơ giới và xe thô sơ theo cùng một chiều.

58.1. Dải phân cách đường có hai loại:

58.1.1. Dải phân cách cứng;

58.1.2. Dải phân cách mềm;

58.2. Dải phân cách cứng: Bằng đá xây, gạch xây, bê tông, hay cột thép, có liên kết ngang bằng tôn lượn sóng hoặc xây vỉa xung quanh bên trong đổ đất trồng cây (đối với mặt đường rộng). Dải phân cách cứng xây cố định cao 0,3m ÷ 0,8m, tối đa là 1,27m nếu có nhu cầu chắn sáng, độ rộng tùy theo mặt đường rộng hẹp để thiết kế và được quét vôi trắng, hoặc sơn đỏ - trắng xen kẽ nghiêng 30° so với mặt phẳng nằm ngang, vạch rộng 25cm đến 30cm. Trên đầu tường hoặc cạnh 2 bên thân tường có thể được gắn các tấm phản quang cách nhau 20m ÷ 25m/1tấm);

Ngoài ra, hiện nay ở các đoạn cần cấm người đi bộ và phương tiện cá nhân 2 bánh đi qua còn đặt hàng rào thép cao 1,8m ÷ 2m bổ sung cho dải phân cách cứng.

58.3. Dải phân cách mềm: tạo bởi các cột (cục) bê tông, nhựa composite bên trong đổ cát hoặc nước cao từ 0,3m ÷ 0,8m xếp liền nhau hoặc có các ống thép ∅40 ÷ 50 xuyên qua tạo thành hệ thống lan can trên mặt đường để chia làn hoặc chiều xe riêng biệt hoặc phân cách giữa làn xe cơ giới và thô sơ, loại phân cách này có thể di chuyển theo chiều rộng mặt đường tùy theo yêu cầu sử dụng.

Điều 59. Điều kiện đặt dải phân cách cứng, mềm

59.1. Đặt dải phân cách cứng khi đường có từ 4 làn xe trở lên để phân làn đường đi theo hai hướng riêng biệt;

59.2. Dải phân cách mềm chỉ dùng ở những nơi mặt đường chỉ đủ 2 hay 3 làn xe, cần chia tạm thời 2 chiều hoặc hai làn xe riêng biệt;

Chương XI
CỘT KILÔMÉT, CỌC H

Điều 60. Tác dụng của cột kilômét

Cột kilômét có tác dụng xác định lý trình để phục vụ yêu cầu quản lý đường và kết hợp chỉ dẫn cho những người sử dụng đường biết khoảng cách trên hướng đi.

Điều 61. Hình dạng, màu sắc và kích thước của cột kilômét

Hình dạng, màu sắc kích thước và chữ viết trên cột kilômét quy định ở Phụ lục I.

Điều 62. Vị trí đặt cột kilômét theo chiều cắt ngang đường

62.1. Cột kilômét đặt về phía tay phải theo hướng đi từ điểm đầu (điểm gốc đường) đến điểm cuối tuyến đường. Trong trường hợp khó khăn về địa hình có thể đặt cột kilômét về phía tay trái;

62.2. Vị trí đặt cột kilômét theo hướng cắt ngang đường theo quy định như vị trí chôn cọc tiêu quy định ở Khoản 53.1 và 53.2. Nếu đường qua khu đông dân cư đã có hè đường cao hơn phần xe chạy thì cột kilômét đặt trên hè đường cách mép phần xe chạy 0,75m (tính đến tim cột);

62.3. Trên đường có 4 làn xe trở lên có dải phân cách giữa rộng từ 1m đến 2m thì cột kilômét có thể đặt ở dải phân cách giữa, đáy cột kilômét cao hơn 90cm so với mặt đường xe chạy.

Điều 63. Vị trí đặt cột kilômét theo chiều dọc đường

63.1. Vị trí đặt cột kilômét theo chiều dọc đường là khoảng cách chẵn 1000m của tim đường bắt đầu từ điểm gốc đường. Điểm gốc đường gọi là "Km 0";

63.2. Vị trí điểm gốc đường và điều chỉnh cục bộ hướng tuyến của một tuyến đường thuộc hệ thống đường nào do cấp có thẩm quyền quản lý hệ thống đường đó ra quyết định;

63.3. Trên các đường mới xây dựng, chủ đầu tư chỉ đạo nhà thầu căn cứ hồ sơ dự án và tiến hành đo đạc thực tế để xác định lý trình xây dựng cột kilômét theo quy định của Quy chuẩn này và bàn giao đưa vào khai thác cho đơn vị quản lý đường;

63.4. Khi thay đổi điểm gốc đường và điều chỉnh cục bộ hướng tuyến theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định ở Khoản 63.2 thuộc Điều này mới đặt lại hệ thống cột kilômét. Các cơ quan quản lý đường không được tự ý thay đổi vị trí cột kilômét.

Điều 64. Tên địa danh và khoảng cách ghi trên cột kilômét

64.1. Tên địa danh chỉ dẫn trên cột kilômét theo quy định ở Phụ lục K của Quy chuẩn này;

64.2. Khoảng cách ghi kèm theo tên địa danh là chiều dài từ cột kilômét đến vị trí trung tâm địa danh mang tên địa phương đó, lấy số chẵn đến km.

Điều 65. Phạm vi áp dụng cột kilômét

Cột kilômét quy định như trên chỉ áp dụng trên các hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, và đường chuyên dùng, không áp dụng với hệ thống đường đô thị và hệ thống đường xã.

Điều 66. Cọc H (Cọc 100m)

66.1. Cọc H được sử dụng trên các tuyến Quốc lộ, là các cọc lý trình 100m được trồng trong phạm vi giữa hai cột kilômét liền kề. Cứ cách 100m từ cột

kilômét trước đến cột kilômét sau trồng một cọc H. Trên chiều dài 1km có 9 cọc H lần lượt là H1, H2 đến H9. Kỹ thuật chôn cọc H tương tự như cọc mốc lộ giới;

66.2. Kích thước, hình dáng, màu sắc xem Phụ lục I.

Chương XII
MỐC LỘ GIỚI

Điều 67. Tác dụng của cọc mốc lộ giới

Cọc mốc lộ giới là một loại báo hiệu đường bộ dùng để xác định giới hạn bề rộng đất dành cho đường bộ (gồm đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ) theo Luật Giao thông đường bộ.

Điều 68. Cấu tạo cột mốc

68.1. Cột mốc được đúc bằng bê tông không có cốt thép với kích thước 20 x 20 x 100 (cm). Phần đầu cọc mỗi cạnh vát 10°, phần chôn xuống đất dài 50cm, có bê tông chèn chân cột theo thiết kế;

68.2. Mặt trước cột (phía quay ra đường) ghi chữ "MỐC LỘ GIỚI", chữ chìm, nét chữ màu đen cao 6cm, rộng 1cm, sâu vào trong bê tông 3 ÷ 5mm;

68.3. Cột được sơn màu trắng. Phần trên cùng cao 10cm (từ đỉnh cột trở xuống) sơn màu đỏ;

68.4. Chi tiết xem quy định tại Phụ lục I.

Điều 69. Quy định cắm cột mốc lộ giới

69.1. Đường qua khu đông dân cư, thị xã, làng, bản: bình quân cứ 100m cắm một cột về mỗi bên đường;

69.2. Đường qua khu vực đồng ruộng, đồi thấp, ngoài khu đông dân cư, tùy theo địa hình cụ thể mà cự ly các cột thay đổi từ 500m đến 1000m;

69.3. Ở vùng núi cao chỉ cắm đại diện ở một số vị trí sao cho đủ để giúp cho quản lý hành lang an toàn đường bộ.

Điều 70. Các quy định khác

70.1. Các đơn vị quản lý đường có trách nhiệm cắm mốc lộ giới và bàn giao cho UBND cấp xã sở tại quản lý theo quy định. Đối với các dự án xây dựng mới, chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị thi công cắm đầy đủ mốc lộ giới và lập thành hồ sơ, sau khi hoàn thành công trình phải bàn giao hồ sơ hoàn công trong đó có hồ sơ mốc lộ giới xác định hành lang an toàn đường bộ cho đơn vị quản lý đường bộ và UBND cấp xã sở tại quản lý theo quy định;

70.2. Mốc lộ giới trên các tuyến đường phải được thể hiện, lập trên bình đồ duỗi thẳng với tỷ lệ 1/10.000;

Chương XIII
BÁO HIỆU CẤM ĐI LẠI

Điều 71. Phân loại cấm đi lại

Có ba loại cấm đi lại trên đường như sau:

71.1. Cấm riêng từng loại phương tiện;

71.2. Cấm riêng từng chiều đi;

71.3. Cấm toàn bộ sự đi lại, trong đó vì nguyên nhân dẫn đến phải cấm cũng được chia ra:

71.3.1. Cấm đi lại vì những lý do đường, cầu bị tắc;

71.3.2. Cấm đi lại vì những lý do đặc biệt khác.

Điều 72. Cấm riêng từng loại phương tiện

72.1. Nếu cần phải cấm đi lại của riêng từng loại phương tiện hoặc một số loại phương tiện nhất định, phải đặt các biển báo cấm quy định từ Điểm B.3 đến Điểm B.20 tại Phụ lục B (từ biển số 103 đến biển số 120, trừ biển số 112 dùng để cấm người đi bộ);

72.2. Vị trí đặt biển báo cấm theo quy định ở Điều 27;

72.3. Cùng đặt với biển báo cấm phải có biển chỉ dẫn lối đi cho phương tiện bị cấm.

Điều 73. Cấm riêng từng chiều đi

73.1. Nếu phải cấm phương tiện đi lại trên một chiều, phải đặt biển báo cấm số 102 "Cấm đi ngược chiều" theo quy định ở phần B.2 Phụ lục B, chiều đi ngược lại phải đặt biển chỉ dẫn số 407(a) "Đường một chiều" quy định ở phần E.7 Phụ lục E;

73.2. Vị trí đặt biển báo cấm theo quy định ở Điều 27;

73.3. Cùng đặt với biển báo cấm phải có biển chỉ dẫn lối đi cho phương tiện bị cấm.

Điều 74. Cấm toàn bộ sự đi lại

74.1. Cấm đi lại do sự cố cầu, đường:

74.1.1. Trên những đoạn đường bị sự cố, các loại phương tiện và người đi bộ không thể đi lại được phải đặt rào chắn và đặt biển số 101 "Đường cấm" như quy định ở phần B.1 Phụ lục B;

74.1.2. Vị trí rào chắn phải đặt ở vị trí có đường tránh, đường phân luồng cho các loại phương tiện đi lại. Kèm theo rào chắn và biển số 101, phải đặt biển chỉ hướng đi cho các loại phương tiện (biển số 416, 417 a,b,c quy định ở phần E.16, và E.17 Phụ lục E);

74.1.3. Nếu trên hướng đường từ vị trí phân luồng đến vị trí bị tắc vẫn phải cho phương tiện đi lại thì không rào chắn mà đặt biển như sau:

a) Trên đường chính, trước vị trí phân luồng 100m đặt biển chỉ dẫn hướng đi phù hợp cho các loại phương tiện (biển số 416, 417 a,b,c);

b) Sau biển chỉ hướng đi 30m đặt biển chỉ dẫn "Đường cụt" (kiểu biển số 405c) như quy định ở phần E.5 Phụ lục E;

c) Trên hướng đường bị tắc, sau vị trí phân luồng cứ khoảng 300 đến 500m lại đặt biển chỉ dẫn "Đường cụt" (kiểu biển số 405c) nhắc lại;

d) Đến giáp vị trí đường tắc, không cho phương tiện đi tiếp được nữa thì đặt rào chắn và biển số 101 "Đường cấm" như quy định ở phần B.1 Phụ lục B;

74.1.4. Nếu đường bị tắc không có hướng phân luồng, phương tiện phải chờ đợi một thời gian rồi mới tiếp tục được đi thì đặt hàng rào chắn và đặt biển số 101 "Đường cấm" như quy định ở phần B.1 Phụ lục B.

74.1.5. Vị trí đặt rào chắn cấm đường phải lựa chọn vị trí phương tiện có thể quay đầu được hoặc gần vị trí có dân cư để thuận tiện cho phương tiện chờ đợi. Đồng thời phải đặt bảng thông báo về tình hình giao thông và ngày, giờ phương tiện có thể tiếp tục đi lại.

74.2. Cấm đi lại vì những lý do khác:

74.2.1. Nếu vì những lý do đặc biệt phải cấm đi lại trong thời gian dài thì phải đặt rào chắn và đặt biển số 101 như quy định ở phần B.1 Phụ lục B;

74.2.2. Nếu cấm đi lại chỉ thi hành đột xuất trong thời gian ngắn, thì ngoài việc đặt rào chắn và biển báo đường cấm, phải bố trí người thường trực chỉ huy phương tiện trong suốt thời gian cấm.

Điều 75. Tổ chức trạm điều khiển giao thông

75.1. Trường hợp cấm đi lại xảy ra đột ngột hoặc việc tổ chức phân luồng trên địa bàn phức tạp về giao thông thì ngoài hệ thống báo hiệu như quy định từ Điều 71 đến Điều 74 phải tổ chức các trạm điều khiển giao thông;

75.2. Trạm điều khiển giao thông phải có người thường trực làm việc liên tục suốt ngày đêm để điều hành giao thông;

75.3. Phải trang bị tại trạm đủ rào chắn, biển báo, đèn, cờ để điều khiển sự đi lại;

75.4. Nếu phải lập trạm điều khiển giao thông vì lý do đường, cầu bị hư hỏng thì cơ quan quản lý đường có trách nhiệm tổ chức;

75.5. Nếu phải lập trạm điều khiển giao thông do các công việc xây dựng, sửa chữa cầu đường hoặc các công trình khác có ảnh hưởng đến sự đi lại thì các đơn vị thầu xây lắp phải chịu kinh phí để cơ quan quản lý đường bộ tổ chức trạm;

75.6. Nếu phải tổ chức trạm trong một thời gian ngắn vì các lý do khác ngoài các lý do nêu ở Khoản 75.4 và 75.5 thì tùy tính chất công việc do lực lượng công an chịu trách nhiệm hoặc lực lượng công an chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ tổ chức thực hiện;

75.7. Trước khi tổ chức trạm theo quy định ở Khoản 75.6, ngành công an bàn bạc trước với cơ quan quản lý đường bộ để được phối hợp hỗ trợ.

Điều 76. Báo hiệu cấm đường trong những trường hợp khẩn cấp

Trong những trường hợp khẩn cấp phải cấm đường, nhưng chưa kịp bố trí hệ thống báo hiệu theo quy định thì những tín hiệu sau đây có giá trị ngăn cấm đường: một cây chắn ngang đường, đồng thời có người gác hướng dẫn giao thông đứng ở vị trí giữa đường, hai tay giơ ngang vai làm lệnh, mặt hướng về phía xe chạy đến. Nếu có cờ đỏ hoặc vải đỏ thì treo ở giữa cây chắn. Ban đêm dùng đèn đỏ thay cờ.

Điều 77. Báo hiệu cấm từng phần mặt đường, lề đường, vỉa hè

77.1. Trong trường hợp từng bộ phận, từng phần của con đường như vỉa hè, lề đường, đường người đi trên cầu, một phần hoặc toàn bộ làn đường bị hư hỏng hoặc đang sửa chữa thì phải rào chắn xung quanh những bộ phận hoặc phần công trình đó để người và phương tiện không đi vào khu vực đó gây nguy hiểm;

77.2. Rào chắn phải chắc chắn;

77.3. Ở giữa rào chắn phải đặt biển số 101 "Đường cấm". Nếu là công trường đang thi công thì kèm theo biển số 101 đặt thêm biển số 227 "Công trường";

Kèm theo rào chắn phải đặt cờ đỏ khổ 40x40(cm) về ban ngày và đèn đỏ chiếu sáng về ban đêm;

77.4. Hàng rào chắn của các công trường thi công thường xuyên di động có thể làm theo kiểu mang đi mang lại được. Chiều cao cột rào chắn trong trường hợp này chỉ cần cao hơn mặt đất 0,6m đến 1,2m (Hàng rào chắn có thể là từng đoạn rào bằng sắt sơn trắng đỏ, chân có bánh xe hoặc chóp nón bằng nhựa hay bằng cao su...);

77.5. Nếu chiều ngang phạm vi cấm đường chiếm hoàn toàn một làn đường trên những đường có hai làn đường, tạm thời hai chiều xe đi và về phải đi chung

nhau một làn còn lại thì ngoài những báo hiệu phải đặt như quy định ở Khoản 77.3, cần phải đặt thêm:

77.5.1. Cách rào chắn 250m trên đường trường hoặc 50m trên đường trong khu đông dân cư, đặt biển số 204 "Đường hai chiều";

77.5.2. Sau biển số 204, đặt biển báo hiệu ưu tiên cho chiều xe đi theo đúng làn đường không bị cấm (biển số 406 "Được ưu tiên qua đường hẹp") và đặt biển để báo xe đi trên hướng làn đường cấm phải đi nhờ đường sẽ phải nhường đường (biển số 132 "Nhường đường cho xe cơ giới ngược chiều qua đường hẹp").

Chương XIV
GƯƠNG CẦU LỒI VÀ DẢI PHÂN CÁCH TÔN SÓNG

Điều 78. Tác dụng của gương cầu lồi

Gương cầu lồi có tác dụng cải thiện tầm nhìn cho người tham gia giao thông ở các vị trí đường cong bán kính nhỏ, tầm nhìn bị che khuất. Qua gương cầu lồi người điều khiển phương tiện có thể quan sát được từ xa phương tiện chạy ngược chiều để điều chỉnh tốc độ cho phù hợp.

Điều 79. Vị trí và quy định đặt gương cầu lồi

79.1. Gương cầu lồi sử dụng ở các vị trí đường cong bán kính nhỏ, che khuất tầm nhìn, chủ yếu đặt ở các đường cong ôm núi có bán kính đường cong nằm không thoả mãn tiêu chuẩn kỹ thuật theo Khoản 5.3 - Đường cong trên bình đồ của tiêu chuẩn TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế ;

79.2. Vị trí gương cầu lồi đặt ở sát vai nền đường phía lưng trên đường phân giác của góc đỉnh đường cong, gương phải đặt vuông góc với mặt phẳng nằm ngang và mép dưới gương cao hơn cao độ vai đường là 1,2m.

Điều 80. Tác dụng của dải phân cách tôn sóng

Dải phân cách tôn sóng dùng để chia mặt đường thành hai chiều chạy xe riêng biệt; chia làn đường cơ giới với làn đường thô sơ; có thể dùng thay thế cọc tiêu, rào chắn hoặc tường bảo vệ bằng bê tông, đá xây; làm hộ lan các đoạn đường cong, đường dẫn vào cầu, các đoạn nền đường đắp cao trên 2m, các đoạn đường men theo sông, suối, đầm, hồ, ao.

Điều 81. Vị trí và quy định đặt dải phân cách tôn sóng

Dải phân cách tôn sóng gồm 1 hoặc 2 hàng tôn lượn sóng được lắp đặt song song với mặt đường bởi hệ cột bằng thép hoặc bêtông cốt thép có gia cố chân bằng bê tông xi măng. Dải phân cách tôn sóng khi thay thế cho tường bảo vệ, hàng rào

chắn cố định và dải phân cách cứng phải được tính toán ổn định do va chạm của phương tiện đâm vào.

Chương XV
QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

Điều 82. Nguyên tắc quản lý

82.1. Các tuyến đường bộ khi đưa vào khai thác phải đầy đủ báo hiệu theo quy định của Quy chuẩn này;

82.2. Trên các tuyến đường bộ đang khai thác, các biển báo hiệu không phù hợp với Quy chuẩn này hiện vẫn đang sử dụng phải được điều chỉnh, thay thế dần (trong vòng 5 năm) để tránh lãng phí; các biển báo hiệu bổ sung mới phải tuân thủ theo quy định của Quy chuẩn này;

82.3. Khi thiết kế xây dựng mới hoặc thiết kế cải tạo nâng cấp đường bộ thì hệ thống báo hiệu đường bộ phải tuân thủ theo Quy chuẩn này. Hệ thống báo hiệu là một hạng mục công trình phải hoàn thành trước khi bàn giao đường cho đơn vị quản lý;

82.4. Ngoài những biển báo trong Quy chuẩn này, giao cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam căn cứ vào thực tế quy định bổ sung các biển báo cần thiết sau khi được Bộ Giao thông Vận tải chấp thuận bằng văn bản;

82.5. Nghiêm cấm đặt trong phạm vi đất của đường bộ những biển báo tuyên truyền, quảng cáo, chỉ dẫn v.v.... Những biển cấm, hiệu lệnh phục vụ yêu cầu bảo vệ và an ninh của các ngành khác (như ngành Công an, Quốc phòng, Lâm nghiệp, Văn hóa, Điện lực v.v...) muốn đặt trong phạm vi đất của đường bộ phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản;

82.6. Cấm trồng cây, xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị làm che khuất, làm giảm cự ly nhận biết hoặc làm mờ nhạt các báo hiệu đường bộ.

Điều 83. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý đường

83.1. Các cơ quan quản lý đường bộ có nhiệm vụ chấp hành Quy chuẩn này, đảm bảo cho hệ thống báo hiệu trên đường được đầy đủ, thống nhất và rõ ràng. Trường hợp báo hiệu bị mất, hư hỏng, mờ hoặc chưa đúng với quy định trong Quy chuẩn phải có biện pháp bổ sung, sửa chữa, thay thế để bảo đảm an toàn giao thông;

83.2. Cán bộ, công nhân viên làm nhiệm vụ quản lý đường bộ trong phạm vi chức trách của mình kịp thời phát hiện hư hỏng, mất mát và các hành vi xâm hại hệ

thống báo hiệu, báo cáo về cơ quan quản lý đường bộ hoặc lập biên bản hoặc xử lý những hành vi vi phạm Quy chuẩn này theo trách nhiệm và quy định của pháp luật. Nếu không khắc phục kịp thời, gây thiệt hại cho tính mạng, hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác thì phải chịu xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 84. Trách nhiệm của người sử dụng đường bộ

84.1. Tất cả những người sử dụng đường bộ, những người tham gia giao thông và những người điều khiển các loại phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ đều phải tuyệt đối chấp hành Quy chuẩn này;

84.2. Hệ thống báo hiệu đường bộ là tài sản của nhà nước, là phương tiện bảo đảm an toàn giao thông phòng ngừa tai nạn. Mọi người đều có trách nhiệm bảo vệ tốt những báo hiệu trên đường, không được tự ý di chuyển, chiếm đoạt, làm hư hỏng hoặc làm giảm hiệu lực và tác dụng của những báo hiệu đặt trên đường; có trách nhiệm phát hiện, kiến nghị đến cơ quan quản lý đường bộ các hư hỏng, mất mát, bất cập của hệ thống báo hiệu đường bộ;

84.3. Người nào làm hư hỏng, mất mát những báo hiệu đặt trên đường bộ, phải chịu trách nhiệm về các thiệt hại do làm hư hỏng, mất mát gây ra và phải bồi thường thiệt hại. Trường hợp làm hư hỏng, mất mát mà không báo, khi bị phát hiện ra thì được coi như hành vi làm hư hại tài sản Nhà nước và sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Chương XVI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 85. Tổ chức thực hiện

85.1. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải đường bộ thi hành Quy chuẩn này;

85.2. Vụ Khoa học công nghệ chủ trì, phối hợp với Tổng cục Đường bộ Việt Nam và các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này;

85.3. Tổng cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thiết kế và lắp đặt hệ thống báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn này;

85.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

Phụ lục A
ĐÈN TÍN HIỆU

A.1. Các dạng đèn tín hiệu

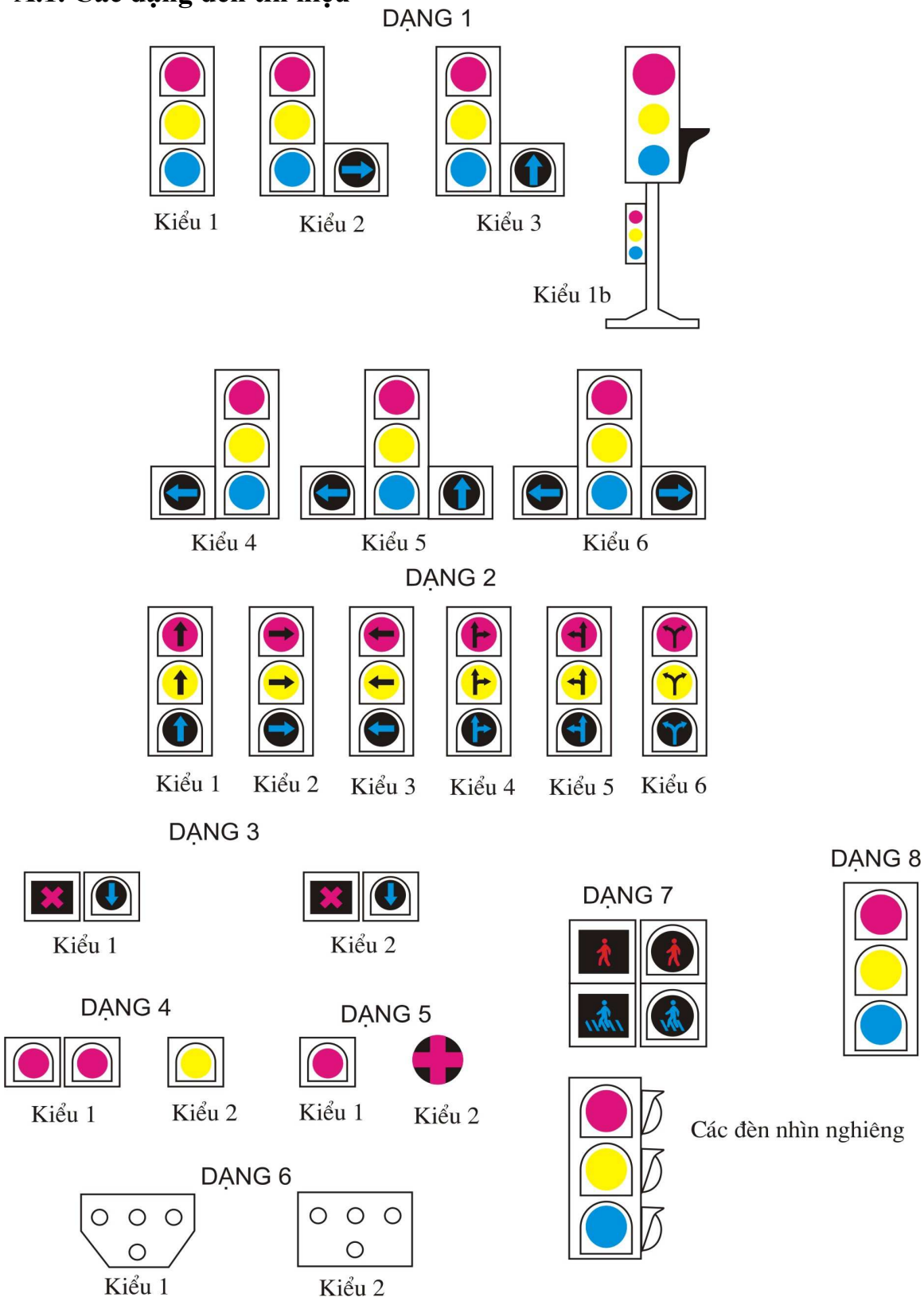

Hình A.1. Các dạng đèn tín hiệu

A.2. Về kích thước

a) Dạng đèn 1 Kiểu 1 là dạng đèn chính thường dùng, có 3 đèn tín hiệu xanh - vàng - đỏ đường kính đèn từ 200mm đến 300mm, đối với đèn đỏ bắt buộc đường kính 300mm. Ngoài ra còn các kiểu 2, 3, 4, 5 và 6 ngoài đèn chính còn đèn phụ báo hiệu cho phép xe đi thẳng hoặc rẽ trái, rẽ phải.

b) Dạng đèn 1 Kiểu 1b: Ngoài đèn chính 3 màu (đỏ - vàng - xanh) còn có hộp đèn phụ (nhỏ treo thấp hơn đèn chính) cũng 3 màu (đỏ - vàng - xanh) nhắc lại tín hiệu đèn chính và đèn điều khiển giao thông cho người đi bộ.

c) Nếu cho phép các loại phương tiện vòng trái và quay đầu phải sử dụng kiểu 4, 5, 6.

d) Dạng đèn 2 là đèn chính có lồng mũi tên cho phép xe được đi thẳng, rẽ trái, rẽ phải. Chú ý về màu sắc của mũi tên vẽ trên mặt kính của tín hiệu:

- Tín hiệu xanh: Mũi tên màu xanh trên nền màu đen.

- Tín hiệu vàng: Nét vẽ của mũi tên màu đen trên nền màu vàng.

- Tín hiệu đỏ: Nét vẽ của mũi tên màu đen trên nền màu đỏ.

e) Dạng đèn 1, 2 và 8 phải lắp đặt theo chiều thẳng đứng.

f) Đèn hai khoang dạng đèn 3, đường kính 300mm bên trái là 2 mũi gạch chéo màu đỏ - các phương tiện dừng lại, còn bên phải là mũi tên màu xanh - các phương tiện được phép đi theo hướng chiều của mũi tên.

g) Dạng đèn 4 và 5 kiểu 1, 2 đều có đường kính của đèn từ 200mm ÷ 300mm, dạng 5 kiểu 2 là loại đèn đỏ chữ thập (cấm đi - đặt sau nơi đường giao nhau).

i) Dạng đèn 6 gồm 4 tín hiệu màu trắng có đường kính từ 80mm đến 100mm, bảng bố trí đèn tín hiệu có kích thước 300 x 400 (mm).

k) Dạng đèn 7 có hai tín hiệu nằm trên một kết cấu chung, người đứng màu đỏ, người đi màu xanh trên nền kính màu đen đường kính là 200mm đến 300mm để hướng dẫn người đi bộ.

l) Dạng đèn 8, đường kính của đèn tín hiệu 60mm, đây là đèn dùng cho việc hướng dẫn xe đạp trên những đường dành riêng cho xe đạp. Thông thường phía dưới đèn có biển kích thước 200 x 200 (mm) nền màu trắng, hình xe đạp tượng trưng màu đen.

m) Ngoài các dạng đèn đã nêu, ở những đường có 4 làn xe trở lên, khi có nhu cầu có thể lắp đèn trên cột tay vươn (L ngược); những nơi đông dân cư còn lắp

thêm đèn đếm ngược thời gian để người tham gia giao thông chủ động việc dừng xe hoặc cho xe chạy.

A.3. Một số quy định khi sử dụng hệ thống đèn tín hiệu

a) Dùng dạng đèn 1 và 2 là hai dạng đèn chính để áp dụng điều khiển giao thông đường bộ. Ngoài ra có thể áp dụng điều khiển chuyển động của tàu điện, ôtô buýt, trôlây-buýt (nếu có) nhưng thông thường để áp dụng điều khiển tàu điện, ôtô buýt, trôlây-buýt người ta dùng theo dạng 6 để phù hợp với quy định quốc tế;

b) Nơi nút giao có tầm nhìn của lái xe không bảo đảm thì dùng đèn tín hiệu kiểu 1 của dạng 1 nhưng điểm thấp nhất của đèn điều khiển cách mặt đường xe chạy từ 1,8m trở lên, các quy định khác không thay đổi;

c) Lắp đặt "Đúp" các đèn tín hiệu dạng 1 cần lựa chọn cho phù hợp các điều kiện sau:

- Trên đường một chiều các loại phương tiện được đi cả phần đường ở phía bên trái.

- Trên đường hai chiều xe chạy, trước nút giao trên lề đường (hè đường) hay đảo an toàn, nếu không đủ điều kiện đặt đèn trước nút giao có thể lắp đèn tín hiệu về hai chiều xe chạy nhưng với điều kiện, khoảng cách tối thiểu là 24m.

d) Đèn dạng 2 nhằm để điều khiển theo làn được đặt ở gần nút giao trên những đường có 4 làn đường xe chạy; có thể đặt trên đảo an toàn hay trên mép phần xe chạy;

e) Dạng 1÷2; 7÷8 cho phép tín hiệu xanh nhấp nháy 3, 4 lần trước khi chuyển tín hiệu vàng;

f) Dạng 1 và 2 đường kính của tín hiệu rộng 300mm áp dụng ở trên những đường phố chính, trên đường quốc lộ hay khu vực quảng trường. Trong các trường hợp khác thì dùng đường kính của tín hiệu 200mm. Đặc biệt cho phép dạng 1 và 2 đặt theo chiều thẳng đứng, tín hiệu trên cùng có đường kính 300mm, các tín hiệu ở thấp hơn đường kính là 200mm;

g) Để điều khiển dòng chuyển động cho một làn xe người ta dùng đèn tín hiệu dạng 3. Áp dụng nó ta phải xem xét các yếu tố sau đây:

- Cường độ giao thông trong giờ cao điểm lớn hơn 500 đơn vị xe trên một làn đường đã vượt quá khả năng khai thác của đường.

- Tổng cường độ giao thông trong giờ cao điểm của các làn xe theo hướng thuận cao hơn cường độ giao thông theo hướng ngược lại vượt quá khả năng khai

thác của số làn xe theo hướng thuận, dẫn đến có thể thay đổi tăng thêm số làn xe theo giờ trong ngày hoặc các ngày trong tuần để đáp ứng giao thông hai chiều của dường được thông suốt.

- Phần đường xe chạy phải có tổng số làn ≥ 3 làn đường.

h) Căn cứ tình trạng giao thông cụ thể Tư vấn thiết kế hoặc người quản lý giao thông áp dụng cho phù hợp theo yêu cầu kỹ thuật sau:

- Đèn tín hiệu được treo ở ngoài mép mặt đường không ít hơn 0,5m (theo chiều ngang). Đối với đường có 4 làn xe trở lên thì đèn tín hiệu treo ở phía trên chiều xe chạy;

- Đèn dành cho người đi bộ có chu kỳ đèn dài ít nhất là 7 giây. Khi lưu lượng người đi bộ thấp và bề rộng đường hẹp 2 làn xe và không là đường ưu tiên thì có thể giảm bớt chu kỳ đèn ngắn hơn nhưng không ít hơn 4 giây. Chú ý, tốc độ của người đi bộ sang đường tính bằng 1,2m/giây, nếu nơi bố trí dành cho người khuyết tật qua đường sẽ phải tính tốc độ của người sang đường thấp hơn 1,2m/giây và căn cứ vào thị sát để đặt chu kỳ đèn cho phù hợp.

Để trợ giúp người đi bộ sang đường nhất là người khiếm thị, khiếm thính hoặc khuyết tật người ta còn sử dụng thiết bị cảm biến thụ động hoặc nút ấn. Thiết bị nút ấn dành cho người đi bộ sang đường bao gồm nút ấn, đèn nhấp nháy đặt chung trên một cột ở vị trí thuận lợi trên vỉa hè ngay vị trí bắt đầu dành cho người đi bộ sang đường. Thiết bị nút ấn còn trang bị bộ phận phát âm thanh để báo nơi đặt thiết bị nút ấn, âm thanh dễ nhận biết có chu kỳ 0,15 giây và lặp lại sau 1 giây, âm thanh có thể nghe thấy từ cự ly 1,8m đến 3,7m và âm lượng không thấp hơn 5dB nhưng không cao hơn 89 dB và sẽ bị vô hiệu hóa khi chu kỳ đèn nhấp nháy kết thúc. Khi đặt thiết bị nút ấn phải khảo sát thực địa để bố trí phù hợp.

- Đèn tín hiệu có đường kính 300mm dùng cho nơi phương tiện cao khi 85% xe lưu hành với tốc độ lớn hơn 60km/h hoặc những nơi không có người điều khiển giao thông, nơi có nhiều lái xe cao tuổi.

- Đèn tín hiệu phải nhìn thấy từ xa và không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng A.1:

Bảng A.1. Khoảng cách tối thiểu nhìn thấy đèn tín hiệu

Tốc độ (km/h) của 85% xe lưu hành	Khoảng cách nhìn thấy thấp nhất (m)
30	50
40	65

Tốc độ (km/h) của 85% xe lưu hành	Khoảng cách nhìn thấy thấp nhất (m)
50	85
60	110
70	140
80	165
90	195

- Đèn tín hiệu được treo ở ngoài mép mặt đường hoặc vỉa hè thì cạnh dưới của đèn không thấp hơn 1,4m và không cao quá 5,8m so với mặt đảo, mặt hè, mặt lề nơi đặt cột đèn tín hiệu. Khi treo trên làn xe chạy thì cạnh dưới của đèn không thấp hơn 5,2m và không cao quá 7,8m so với mặt đường nơi treo đèn.

- Những nơi đặt đèn có độ sáng của thiên nhiên sau đèn gây rối nhận biết của người điều khiển phương tiện thì cần nghiên cứu tạo nền sau đèn để trợ giúp nhận biết cho người điều khiển phương tiện.

- Do người điều khiển phương tiện tập trung quan sát phía trước để điều khiển phương tiện, vì vậy, khi đặt đèn tín hiệu hoặc các báo hiệu giao thông trên lề, hè cần xác định vùng quan sát hiệu quả. Cách xác định như sau: theo trục của tim đường (chiều đường xe chạy) mở ra mỗi bên một góc 20° tạo ra 2 đường giới hạn vùng quan sát hiệu quả. Người đặt đèn tín hiệu cần căn cứ tầm nhìn tối thiểu và vùng quan sát hiệu quả để xác định vị trí đặt đèn tín hiệu cho hợp lý.

Phụ lục B
Ý NGHĨA - SỬ DỤNG BIỂN BÁO CẤM

B.1. Biển số 101 "Đường cấm"

a) Để báo đường cấm tất cả các loại phương tiện (cơ giới và thô sơ) đi lại cả hai hướng, trừ các xe được ưu tiên theo quy định, phải đặt biển số 101 "Đường cấm".

b) Nếu đường cấm vì lý do đường, cầu bị tắc thì biển cấm đặt ở giữa phần xe chạy kèm theo có hàng rào chắn ngang trước phần xe chạy như quy định ở Điều 82, các xe được ưu tiên cũng không được phép đi vào.

c) Nếu đường cấm cả người đi bộ thì phải đặt thêm biển số 112 "Cấm người đi bộ" (ở trong khu đông dân cư) hoặc kéo dài hàng rào chắn ngang suốt cả nền đường (ở ngoài khu đông dân cư).

d) Nếu đường cấm vì những lý do khác nhưng cầu, đường vẫn sử dụng được thì biển đặt ở giữa đường nhưng không đặt hàng rào chắn.

e) Nếu phần xe chạy quá hẹp, biển đặt ở giữa phần xe chạy sẽ làm cản trở những xe được phép ra vào đường cấm thì đặt biển ở mép phần xe chạy.

g) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Nền biển trắng, không hình vẽ.

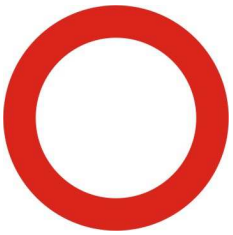

Hình B.1- Biển số 101

B.2. Biển số 102 "Cấm đi ngược chiều"

a) Để báo đường cấm tất cả các loại xe (cơ giới và thô sơ) đi vào theo chiều đặt biển, trừ các xe được ưu tiên theo quy định, phải đặt biển số 102 "Cấm đi ngược chiều".

Đối với người đi bộ được phép đi trên vỉa hè hoặc lề đường.

b) Chiều đi ngược lại với chiều đặt biển 102 là lối đi thuận chiều, các loại xe được phép đi do đó phải đặt biển chỉ dẫn số 407a.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Nền biển màu đỏ, không có viền cạnh, hình chữ nhật màu trắng nằm chính giữa.

- Chiều cao hình vẽ 10cm

- Chiều rộng hình vẽ 50cm

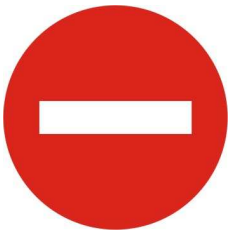

Hình B.2- Biển số 102

B.3. Biển số 103a "Cấm ôtô", Biển số 103b và 103c " Cấm ôtô rẽ phải" và "Cấm ôtô rẽ trái"

a) Để báo đường cấm tất cả các loại xe cơ giới kể cả môtô 3 bánh có thùng đi qua, trừ môtô hai bánh, xe gắn máy và các xe được ưu tiên theo quy định, phải đặt biển số 103 "Cấm ôtô".

b) Để báo đường cấm tất cả các loại xe cơ giới kể cả môtô 3 bánh có thùng rẽ phải hay rẽ trái, trừ môtô hai bánh, xe gắn máy và các xe được ưu tiên theo quy định, phải đặt biển số 103b "Cấm ôtô rẽ phải" hay biển số 103c "Cấm ôtô rẽ trái".

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Biển số 103a "Cấm ôtô".

• Chiều cao hình vẽ 28cm

• Chiều rộng hình vẽ 35cm

- Biển số 103b "Cấm ôtô rẽ phải" và Biển số 103c "Cấm ôtô rẽ trái"

• Chiều cao hình vẽ11cm

• Chiều rộng hình vẽ31cm

• Vạch chéo đỏ đè lên hình vẽ màu đen

a) Biển số 103a

b) Biển số 103b

c) Biển số 103c

Hình B.3- Biển số 103

B.4. Biển số 104 "Cấm môtô"

a) Để báo đường cấm tất cả các loại môtô đi qua, trừ các xe môtô được ưu tiên theo quy định, phải đặt biển số 104 "Cấm môtô".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 31cm

- Chiều rộng hình vẽ 40cm

Hình B.4- Biển số 104

B.5. Biển số 105 "Cấm ôtô và môtô"

a) Để báo đường cấm tất cả các loại xe cơ giới và môtô đi qua trừ xe gắn máy và các xe được ưu tiên theo quy định, phải đặt biển số 105 "Cấm ôtô và môtô".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Nửa trên vẽ ôtô:

• Chiều cao hình vẽ ôtô 16cm

• Chiều rộng hình vẽ ôtô 20 cm

- Nửa dưới vẽ môtô

• Chiều cao hình vẽ môtô 16.5cm

• Chiều rộng hình vẽ môtô 20 cm

Hình B.5- Biển số 105

B.6. Biển số 106(a,b) "Cấm ôtô tải" và Biển số 106c "Cấm xe chở hàng nguy hiểm"

a) Để báo đường cấm tất cả các loại ôtô chở hàng có trọng tải từ 1,5 tấn trở lên trừ các xe được ưu tiên theo quy định, phải đặt biển số 106a "Cấm ôtô tải". Biển có

hiệu lực cấm đối với cả máy kéo và các xe máy chuyên dùng đi vào đoạn đường đặt biển

b) Nếu trên biển quy định trọng tải - trọng lượng xe cộng hàng (chữ số tấn ghi bằng màu trắng trên hình vẽ xe) thì chỉ cấm những ôtô có tổng trọng lượng (trọng lượng xe cộng hàng) vượt quá con số đã quy định trên biển phải đặt biển số 106b. Biển có hiệu lực cấm đối với cả máy kéo và các xe máy chuyên dùng đi vào đoạn đường đặt biển.

c) Để báo đường cấm các xe chở hàng nguy hiểm, phải đặt biển 106c

d) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Biển số 106 (a,b):

• Chiều cao hình vẽ ôtô 22cm

• Chiều rộng hình vẽ ôtô 44cm

- Biển số 106c:

• Chiều cao hình vẽ 33cm

• Chiều rộng hình vẽ 24cm

a) Biển số 106a

b) Biển số 106b

c) Biển số 106c

Hình B.6- Biển số 106

B.7. Biển số 107 "Cấm ôtô khách và ôtô tải"

a) Để báo đường cấm ôtô chở khách và các loại ôtô tải kể cả các loại máy kéo và xe máy thi công chuyên dùng đi qua trừ các xe được ưu tiên theo quy định, phải đặt biển số 107 "Cấm ôtô khách,và ôtô tải".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển

- Nửa trên vẽ xe khách:

• Chiều cao hình vẽ 7cm

• Chiều rộng hình vẽ 22cm

- Nửa dưới vẽ ôtô tải:

• Chiều cao hình vẽ 10cm

• Chiều rộng hình vẽ 20cm

Hình B.7. Biển số 107

B.8. Biển số 108 "Cấm ôtô, máy kéo kéo moóc hoặc sơ mi rơ moóc"

a) Để báo đường cấm tất cả các loại xe cơ giới kéo theo rơ-moóc kể cả môtô, máy kéo, ôtô khách kéo theo rơ-moóc đi qua, trừ loại ôtô sơ-mi rơ-moóc và các xe được ưu tiên (có kéo theo rơ-moóc) theo luật lệ nhà nước quy định, phải đặt biển số 108 "Cấm ôtô kéo moóc".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 22cm

- Chiều rộng hình vẽ 49cm (chạy dài hết biển đến giáp nét viền cạnh)

Hình B.8- Biển số 108

B.9. Biển số 109 "Cấm máy kéo"

a) Để báo đường cấm tất cả các loại máy kéo, kể cả máy kéo bánh hơi và bánh xích đi qua, phải đặt biển số 109 "Cấm máy kéo".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển

- Chiều cao hình vẽ 24,5cm

- Chiều rộng hình vẽ 35cm

Hình B.9 - Biển số 109

B.10. Biển số 110a "Cấm đi xe đạp"và Biển số 110b "Cấm xe đạp thồ"

a) Để báo đường cấm xe đạp đi qua, phải đặt biển số 110a "Cấm đi xe đạp". Biển không có giá trị cấm những người dắt xe đạp.

b) Để báo đường cấm xe đạp thồ đi qua, phải đặt biển số 110b "Cấm xe đạp thồ". Biển này không cấm người dắt loại xe này.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Biển số 110a:

• Chiều cao hình vẽ 23,5cm

• Chiều rộng hình vẽ 40cm

- Biển số 110a:

• Chiều cao hình vẽ 23,5cm

• Chiều rộng hình vẽ 40cm

a) Biển số 110a

b) Biển số 110b

Hình B.10 - Biển số 110

B.11. Biển số 111a "Cấm xe gắn máy",Biển số 111(b ,c) "Cấm xe ba bánh loại có động cơ" và Biển số 111d "Cấm xe ba bánh loại không có động cơ"

a) Để báo đường cấm xe gắn máy đi qua, phải đặt biển số 111a "Cấm xe gắn máy". Biển không có giá trị đối với xe đạp.

b) Để báo đường cấm xe ba bánh loại có động cơ như xe lam, xích lô máy, xe lôi máy v.v... phải đặt biển số 111b hoặc 111c "Cấm xe ba bánh loại có động cơ".

c) Để báo đường cấm xe ba bánh loại không có động cơ như xích lô, xe lôi đạp v.v... phải đặt biển số 111d "Cấm xe ba bánh loại không có động cơ".

d) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Biển số 111(a) "Cấm xe gắn máy"

• Chiều cao hình vẽ 22cm

• Chiều rộng hình vẽ 40cm

- Biển số 111(b) "Cấm xe ba bánh loại có động cơ"(xe lam)

• Chiều cao hình vẽ 21cm

• Chiều rộng hình vẽ 40cm

- Biển số 111(c) "Cấm xe ba bánh loại có động cơ" (xe lôi máy)

• Chiều cao hình vẽ 17,5cm

• Chiều rộng hình vẽ 45cm

- Biển số 111(d) "Cấm xe ba bánh loại không có động cơ"

• Đường kính bánh xe 12,5cm

• Chiều cao hình vẽ 21cm

• Chiều rộng hình vẽ 42cm

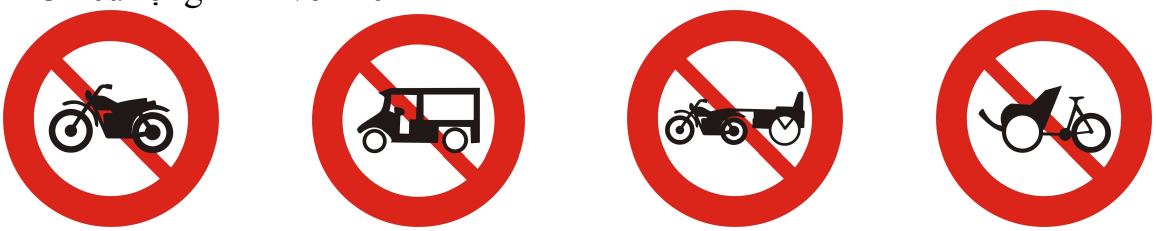

a) Biển số 111a **b) Biển số 111b** **c) Biển số 111c** **d) Biển số 111d**

Hình B.11 - Biển số 111

B.12. Biển số 112 "Cấm người đi bộ"

a) Để báo đường cấm người đi bộ qua lại, phải đặt biển số 112 "Cấm người đi bộ".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển

- Chiều cao hình vẽ 34cm

- Chiều rộng hình vẽ 24cm

Hình B.12 - Biển số 112

B.13. Biển số 113 "Cấm xe người kéo, đẩy"

a) Để báo đường cấm xe thô sơ, chuyển động do người kéo, đẩy đi qua, phải đặt biển số 113 "Cấm xe người kéo, đẩy". Biển không có giá trị cấm những xe nôi của trẻ em và phương tiện chuyên dùng để đi lại của những người tàn tật.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 24cm

- Chiều rộng hình vẽ 44cm

Hình B.13 - Biển số 113

B.14. Biển số 114 "Cấm xe súc vật kéo"

a) Để báo đường cấm súc vật vận tải hàng hóa hoặc hành khách dù kéo xe hay chở trên lưng đi qua, phải đặt biển số 114 "Cấm xe súc vật kéo".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 23 cm

- Chiều rộng hình vẽ 46cm

Hình B.14 - Biển số 114

B.15. Biển số 115 "Hạn chế trọng lượng xe"

a) Để báo đường cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) kể cả các xe được ưu tiên theo quy định, có trọng lượng toàn bộ (cả xe và hàng) vượt quá trị số ghi trên biển đi qua, phải đặt biển số 115 "Hạn chế trọng lượng xe".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Biển có chữ số, chữ viết màu đen trên nền trắng, biển không có đường gạch chéo màu đỏ.

- Chiều cao con số 28cm

- Chiều cao chữ T 13cm

Hình B.15 - Biển số 115

B.16. Biển số 116 "Hạn chế trọng lượng trên trục xe"

a) Để báo đường cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) kể cả các xe được ưu tiên theo quy định, có trọng lượng toàn bộ (cả xe và hàng) phân bổ trên một trục bất kỳ của xe vượt quá trị số ghi trên biển đi qua, phải đặt biển số 116 "Hạn chế trọng lượng trên trục xe".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển

- Biển có chữ số, chữ viết màu đen trên nền trắng, biển không có đường gạch chéo màu đỏ.

- Chiều dài trục xe 34cm

- Chiều cao con số 20cm

- Chiều cao chữ T 10cm

- Trị số ghi trên biển số 115 và biển số 116 để chỉ trọng lượng cho phép lớn nhất tính bằng tấn đối với xe đơn chiếc nhằm ngăn ngừa khả năng làm hư hỏng công trình cầu đường.

Hình B.16 - Biển số 116

B.17. Biển số 117 "Hạn chế chiều cao"

a) Để báo hạn chế chiều cao của xe, phải đặt biển số 117 "Hạn chế chiều cao"

b) Biển số 117 có hiệu lực cấm các xe (cơ giới và thô sơ) có chiều cao vượt quá trị số ghi trên biển không được đi qua, kể cả các xe được ưu tiên theo quy định (chiều cao tính từ mặt đường, mặt cầu đến điểm cao nhất của xe hoặc hàng).

c) Trị số ghi trên biển là khoảng cách từ điểm cao nhất của mặt đường đến điểm thấp nhất của chướng ngại vật vượt trên đường trừ đi 0,5m.

d) Tất cả những vị trí trên đường có chướng ngại vật mà khoảng cách từ điểm cao nhất của mặt đường đến điểm thấp nhất của chướng ngại vật dưới 4,75m đều phải đặt biển.

e) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển

- Biển có chữ số, chữ viết màu đen trên nền trắng, biển không có đường gạch chéo màu đỏ.

- Chiều cao con số đơn vị 20cm

- Chiều cao con sau dấu phẩy 12cm

- Chiều cao chữ m 8 cm

Hình B.17 - Biển số 117

B.18. Biển số 118 "Hạn chế chiều ngang"

a) Để báo hạn chế chiều ngang của xe, phải đặt biển số 118 "Hạn chế chiều ngang"

b) Biển số 118 có hiệu lực cấm các xe (cơ giới và thô sơ) kể cả các xe được ưu tiên theo quy định có chiều ngang (kể cả xe và hàng hóa) vượt quá trị số ghi trên biển không được đi qua.

c) Số ghi trên biển là khoảng cách theo chiều ngang ở trạng thái tĩnh nhỏ nhất của vật chướng ngại trên đường trừ đi 0,4m.

d) Tất cả những vị trí trên đường có chướng ngại vật mà khoảng cách theo chiều ngang ở trạng thái tĩnh nhỏ hơn 3,2m đều phải đặt biển.

e) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Biển có chữ số, chữ viết màu đen trên nền trắng, biển không có đường gạch chéo màu đỏ.

- Chiều cao con số đơn vị 20cm

- Chiều cao con số lẻ 12cm

- Chiều cao chữ m 8cm

- Dấu giới hạn là tam giác vuông cân, đường cao tam giác là 5cm.

Hình B.18 - Biển số 118

B.19. Biển số 119 "Hạn chế chiều dài ôtô"

a) Để báo đường cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) kể cả các xe được ưu tiên theo quy định, có độ dài toàn bộ kể cả xe và hàng lớn hơn trị số ghi trên biển đi qua, phải đặt biển số 119 "Hạn chế chiều dài ôtô".

b) Trị số ghi trên biển là chỉ độ dài cho phép lớn nhất tính bằng mét đối với xe đơn chiếc nhằm ngăn ngừa khả năng gây ách tắc giao thông.

c) Biển được đặt ở những đoạn đường có bán kính đường cong nằm nhỏ, đèo dốc quanh co hoặc ở những đoạn đường mà xe có chiều dài lớn, gây nguy hiểm cho các phương tiện ngược chiều.

d) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ ôtô 16cm
- Chiều rộng hình vẽ ôtô 30cm
- Chiều cao con số 10cm
- Chiều cao chữ m 5cm

Hình B.19 - Biển số 119

B.20. Biển số 120 "Hạn chế chiều dài ôtô, máy kéo kéo moóc hoặc sơ mi rơ moóc"

a) Để báo đường cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) kéo theo moóc kể cả ôtô sơ-mi rơ-moóc và các loại xe được ưu tiên kéo moóc theo luật lệ nhà nước quy định, có độ dài toàn bộ kể cả xe, moóc và hàng lớn hơn trị số ghi trên biển đi qua, phải đặt biển số 120 "Hạn chế chiều dài ôtô kéo moóc ".

b) Trị số ghi trên biển là chỉ độ dài cho phép lớn nhất tính bằng mét đối với toàn bộ chiều dài đoàn xe kể cả hàng.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển

- Chiều cao hình vẽ ôtô 12cm
- Chiều rộng hình vẽ ôtô 39cm
- Chiều cao con số 10cm
- Chiều cao chữ m 5cm

Hình B.20 - Biển số 120

B.21. Biển số 121 "Cự ly tối thiểu giữa hai xe"

a) Để báo xe ôtô phải đi cách nhau một khoảng tối thiểu phải đặt biển số 121 "Cự ly tối thiểu giữa hai xe".

b) Số ghi trên biển cho biết khoảng cách tối thiểu tính bằng mét. Biển có hiệu lực cấm các xe ôtô kể cả xe được ưu tiên theo quy định không được đi cách nhau một cự ly nhỏ hơn trị số ghi trên biển báo.

c) Chiều dài có hiệu lực của biển số 121 được báo bằng biển số 501 "Phạm vi tác dụng của biển" đặt dưới biển chính (hoặc từ vị trí đặt biển đến vị trí đặt biển số 135 "Hết tất cả các lệnh cấm" nếu đồng thời có nhiều biển cấm khác hết tác dụng)

d) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển

- Chiều cao hình vẽ 22cm

- Chiều rộng hình vẽ 48 cm

Hình B.21 - Biển số 121

B.22. Biển số 122 "Dừng lại"

a) Để báo các xe (cơ giới và thô sơ) dừng lại phải đặt biển số 122 "Dừng lại".

b) Biển có hiệu lực buộc các loại xe cơ giới và thô sơ kể cả xe được ưu tiên theo quy định dừng lại trước biển hoặc trước vạch ngang đường và chỉ được phép đi khi thấy các tín hiệu (do người điều khiển giao thông hoặc đèn cờ) cho phép đi. Trong trường hợp trên đường không đặt tín hiệu đèn cờ, không có người điều khiển giao thông hoặc các tín hiệu đèn không bật sáng thì người lái xe chỉ được phép đi khi trên đường không còn nguy cơ mất an toàn giao thông.

c) Để đảm bảo quyền ưu tiên rẽ tại nơi giao nhau cho người sử dụng đường ưu tiên, phải đặt trên đường không ưu tiên biển số 122 kèm theo biển số 506b "Hướng đường ưu tiên" bên dưới. Biển có hiệu lực bắt buộc người lái xe trên đường không ưu tiên phải nhường đường (trừ các xe được quyền ưu tiên theo quy định) cho xe vận tải trên đường ưu tiên được đi trước qua vị trí giao nhau. Biển được đặt trước biển báo nguy hiểm số 208 "Giao nhau với đường ưu tiên"

d) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển

- Hình tám cạnh đều, đường chéo nối hai đỉnh đối xứng là 60cm

- Chiều cao chữ: 22cm

- Nền biển màu đỏ, chữ màu trắng, viền cạnh xung quanh màu trắng rộng 2cm

Hình B.22 - Biển số 122

B.23. Biển số 123a "Cấm rẽ trái" và Biển số 123b "Cấm rẽ phải"

a) Để báo cấm rẽ trái hoặc phải (theo hướng mũi tên chỉ) ở những vị trí đường giao nhau, phải đặt biển số 123a "Cấm rẽ trái" hoặc biển số 123b "Cấm rẽ phải"

b) Biển có hiệu lực cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) rẽ sang phía trái hoặc phải trừ các xe được ưu tiên theo quy định.

Nếu đã đặt biển cấm rẽ trái thì các loại xe (cơ giới và thô sơ) cũng không được phép quay đầu xe.

c) Trước khi đặt biển cấm rẽ, phải đặt biển chỉ dẫn hướng đi thích hợp.

d) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 32cm

- Chiều rộng hình vẽ 30cm

- Đầu mũi tên là tam giác đều cạnh 12cm

- Vạch chéo màu đỏ đè lên hình vẽ màu đen

a) Biển số 123a

b) Biển số 123b

Hình B.23 - Biển số 123

B.24. Biển số 124a "Cấm quay xe" và Biển số 124b "Cấm ôtô quay đầu xe"

a) Để báo cấm các loại xe quay đầu (theo kiểu chữ U), phải đặt biển số 124a "Cấm quay xe"

b) Để báo cấm xe ôtô quay đầu (theo kiểu chữ U), phải đặt biển số 124b "Cấm ôtô quay đầu xe".

c) Biển số 124a có hiệu lực cấm các loại xe (cơ giới và thô sơ) và biển số 124b có hiệu lực cấm xe ôtô và xe môtô 3 bánh (cide car) quay đầu (theo kiểu chữ U) trừ các xe được ưu tiên theo quy định.

Biển không có giá trị cấm rẽ trái để đi sang hướng đường khác.

d) Nếu đặt biển "Cấm quay xe" hay biển "Cấm ôtô quay đầu xe" ở một đoạn đường không phải là nơi đường giao nhau thì vị trí bắt đầu cấm phải dùng biển số 503d "Hướng tác dụng của biển" đặt bên dưới biển chính.

e) Trước hoặc sau những vị trí đặt biển cấm quay xe phải đặt biển chỉ dẫn vị trí quay xe biển số 401 hoặc 410.

g) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển

- Chiều cao hình vẽ 32cm

- Chiều rộng hình vẽ 22cm

- Vạch chéo màu đỏ đè lên hình vẽ màu đen

a) Biển số 124a

b) Biển số 124b

Hình B.24 - Biển số 124

B.25. Biển số 125 "Cấm vượt"

a) Để báo cấm các loại xe cơ giới vượt nhau, phải đặt biển số 125 "Cấm vượt".

b) Biển có hiệu lực cấm tất cả các loại xe cơ giới vượt nhau kể cả xe được ưu tiên theo quy định. Được phép vượt xe môtô 2 bánh, xe gắn máy.

c) Biển hết hiệu lực cấm khi có biển số 133 "Hết cấm vượt" hoặc đến vị trí đặt biển số 135 "Hết tất cả các lệnh cấm" nếu đồng thời có nhiều biển cấm khác hết tác dụng.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 20cm

- Chiều rộng hình vẽ 40cm

- Xe ôtô bị cấm ở phía trái là màu đỏ, xe ôtô ở phía phải là màu đen.

Hình B.25 - Biển số 125

B.26. Biển số 126 "Cấm ôtô tải vượt"

a) Để báo cấm các loại ôtô tải vượt xe cơ giới khác, phải đặt biển số 126 " Cấm ôtô tải vượt".

b) Biển có hiệu lực cấm tất cả các loại ôtô tải có trọng lượng lớn nhất cho phép (bao gồm trọng lượng xe và hàng) trên 3,5Tấn kể cả các xe được ưu tiên theo quy định vượt xe cơ giới khác. Được phép vượt môtô hai bánh, xe gắn máy.

c) Biển không có giá trị cấm các loại xe cơ giới khác vượt nhau và vượt ôtô tải.

d) Biển hết hiệu lực cấm khi có biển số 133 "Hết cấm vượt" hoặc đến vị trí đặt biển số 135 "Hết tất cả các lệnh cấm" nếu đồng thời có nhiều biển cấm khác hết tác dụng.

e) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển

- Chiều cao hình vẽ 25cm

- Chiều rộng hình vẽ 40cm

- Xe ôtô tải bị cấm ở phía trái là màu đỏ, xe ôtô con ở phía phải là màu đen.

Hình B.26 - Biển số 126

B.27. Biển số 127 "Tốc độ tối đa cho phép"

a) Để báo tốc độ tối đa cho phép các xe cơ giới chạy, phải cắm biển số 127 "Tốc độ tối đa cho phép".

b) Biển có hiệu lực cấm tất cả các loại xe cơ giới chạy với tốc độ tối đa vượt quá trị số ghi trên biển trừ các xe được ưu tiên theo quy định.

c) Số ghi trên biển hạn chế tốc độ tối đa cho phép tính bằng km/h và tùy theo tiêu chuẩn kỹ thuật của đường mà tính toán để quy định cho phù hợp, trường hợp không tính toán được thì tuân theo quy định như sau:

- Mức hạn chế từ 30 km/h đến 40km/h:

Áp dụng trên những đoạn đường qua địa hình bằng phẳng có tầm nhìn tối thiểu một chiều dưới 75m (hoặc tầm nhìn hai chiều tối thiểu dưới 140m). Đồng thời biển chỉ đặt trên những đường ôtô cấp III trở lên nhưng ở nơi điều kiện khó khăn không bố trí đủ tầm nhìn tối thiểu quy định trên và tốc độ xe chạy thiết kế thông thường 60km/h trở trên.

- Mức hạn chế từ 20 km/h đến dưới 30km/h:

Áp dụng trên những đoạn đường qua khu vực dân cư đông người, có tầm nhìn tối thiểu một chiều dưới 75m (hoặc tầm nhìn hai chiều tối thiểu dưới 140m) và tốc độ xe thiết kế thông thường chạy dưới 60km/h.

- Mức hạn chế 10 km/h đến dưới 20km/h:

Áp dụng trên những đoạn đường cấp thấp, có tầm nhìn tối thiểu một chiều dưới 20m hoặc tầm nhìn hai chiều tối thiểu dưới 30m hoặc ở những vị trí đường cong có độ dốc ngang mặt đường không phù hợp với tốc độ xe chạy theo thiết kế.

- Mức hạn chế từ 5km/h đến dưới 10km/h:

Áp dụng trong những trường hợp qua các cầu tạm, cầu hẹp và yếu, cầu phao, cầu cáp, đường gồ ghề, qua các trạm kiểm soát, trạm thu phí đường bộ.

d) Ngoài những trường hợp áp dụng như trên, nếu trên đường có những trở ngại khác thì tùy theo tính chất mà vận dụng các kiểu biển báo nguy hiểm, không được sử dụng biển hạn chế tốc độ tối đa một cách tràn lan.

e) Hiệu lực của biển hạn chế tốc độ tối đa bắt đầu từ vị trí đặt biển đến vị trí đặt biển số 134 "Hết hạn chế tốc độ tối đa" (hoặc đến vị trí đặt biển số 135 "Hết tất cả các lệnh cấm" nếu đồng thời có nhiều biển cấm khác hết tác dụng).

g) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Biển có chữ số màu đen trên nền trắng, biển không có đường gạch chéo màu đỏ.

- Chiều cao con số (nét đậm) 30cm

Hình B.27 - Biển số 127

B.28. Biển số 128 "Cấm sử dụng còi"

a) Để báo cấm các loại xe cơ giới sử dụng còi, phải đặt biển số 128 "Cấm sử dụng còi"

b) Chiều dài có hiệu lực của biển cấm bóp còi được báo bằng biển số 501 "Phạm vi tác dụng của biển" đặt dưới biển chính (hoặc từ vị trí đặt biển đến vị trí đặt biển số 135 "Hết tất cả các lệnh cấm" nếu đồng thời có nhiều biển cấm khác hết tác dụng).

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 22cm

- Chiều rộng hình vẽ 36cm

Hình B.28 - Biển số 128

B.29. Biển số 129 "Kiểm tra"

a) Để báo nơi đặt trạm kiểm tra; các loại phương tiện vận tải qua đó phải dừng lại để làm thủ tục kiểm tra, kiểm soát theo quy định, phải đặt biển số 129 “Kiểm tra”.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Biển có chữ viết, hình vẽ màu đen trên nền trắng, biển không có đường gạch chéo màu đỏ.

- Chiều cao hình vẽ 15 cm

- Chiều rộng hình vẽ 40cm

Hình B.29 - Biển số 129

B.30. Biển số 130 "Cấm dừng xe và đỗ xe"

a) Để báo nơi cấm dừng xe và đỗ xe, phải đặt biển số 130 "Cấm dừng xe và đỗ xe".

Biển có hiệu lực cấm các loại xe cơ giới dừng và đỗ ở phía đường có đặt biển trừ các xe được ưu tiên theo quy định. Đối với các loại xe ôtô buýt, tắc xi chạy theo hành trình quy định được hướng dẫn vị trí dừng thích hợp.

b) Dừng xe là khi xe đứng yên không tắt máy và người lái xe không được rời tay lái.

c) Hiệu lực cấm của biển bắt dầu từ vị trí đặt biển đến nơi đường giao nhau hoặc đến vị trí quy định đỗ xe, dừng xe (hoặc đến vị trí đạt biển số 135 "Hết tất cả các lệnh cấm" nếu đồng thời có nhiều biển cấm khác hết tác dụng). Nếu cần thể hiện đặc biệt thì vị trí bắt đầu cấm phải dùng biển số 503d và vị trí kết thúc, dùng biển số 503f "Hướng tác dụng của biển" đặt bên dưới biển chính.

d) Trong trường hợp chỉ cấm dừng, đỗ xe vào giờ nhất định thì dùng biển số 508(a, b).

e) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Nền biển màu xanh lam

- Góc giao giữa 2 gạch chéo đỏ là 90°

Hình B.30 - Biển số 130

B.31. Biển số 131 (a,b,c) "Cấm đỗ xe"

a) Để báo nơi cấm đỗ xe trừ các xe được ưu tiên theo quy định, phải đặt biển số 131 (a,b,c) "Cấm đỗ xe".

Biển số 131a có hiệu lực cấm các loại xe cơ giới đỗ ở phía đường có đặt biển.

Biển số 131b có hiệu lực cấm các loại xe cơ giới đỗ ở phía đường có đặt biển vào những ngày lẻ và biển số 131c vào những ngày chẵn.

b) Hiệu lực cấm và thời gian cấm đỗ xe áp dụng theo quy định tại Điểm c, d đối với biển số 130.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Nền biển màu xanh lam có vạch chéo đỏ.

- Biển số 131b, c có vạch trắng nằm dưới vạch chéo đỏ và có kích thước như sau:

- Chiều cao vạch trắng 40cm

- Chiều rộng vạch trắng 5cm

- Khoảng cách giữa hai vạch trắng 5cm

a) Biển số 131a

b) Biển số 131b

c) Biển số 131c

Hình B.31 - Biển số 131

B.32. Biển số 132 "Nhường đường cho xe cơ giới đi ngược chiều qua đường hẹp"

a) Để báo các loại xe (cơ giới và thô sơ) kể cả các xe được ưu tiên theo quy định khi thấy biển số 132 phải nhường đường cho các loại xe cơ giới đang đi theo hướng ngược lại qua các đoạn đường hẹp hoặc cầu hẹp, phải đặt biển số 132 "Nhường đường cho xe cơ giới ngược chiều qua đường hẹp".

b) Biển có hiệu lực đối với các loại xe cơ giới và thô sơ kể cả xe được ưu tiên theo quy định khi đi vào các đoạn đường hẹp có đặt biển số 132 và trên hướng ngược lại đang có các loại xe cơ giới đi tới thì phải dừng lại ở vị trí thích hợp để nhường đường.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 32cm

- Chiều rộng hình vẽ 30cm

- Mũi tên bên phải (chỉ xe phải nhường đường) màu đỏ, mũi tên phía trái (chỉ xe được đi) màu đen.

Hình B.32 - Biển số 132

B.33. Biển số 133 "Hết cấm vượt"

a) Để báo hết đoạn đường cấm vượt, phải đặt biển số 133 "Hết cấm vượt" (hoặc đặt biển số 135 "Hết tất cả các lệnh cấm" nếu đồng thời có nhiều biển cấm khác hết tác dụng)

Biển có tác dụng báo cho người lái xe biết hiệu lực của các biển số 125 và biển số 126 hết tác dụng. Các xe cơ giới được phép vượt nhau nhưng phải theo quy định về điều kiện cho phép vượt nhau.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Vành biển màu xanh rộng 2cm

- Xe ôtô chỉ vẽ nét bao màu đen, đè lên 5 vạch chéo, bề rộng nét vẽ ôtô 1cm

- Năm vạch chéo từ góc trên bên phải qua tâm xuống góc dưới bên trái xiên góc 30° so với phương nằm ngang màu đen: Bề rộng nét vạch 1cm, cách nhau 1cm.

- Chiều cao hình vẽ 20cm

- Chiều rộng hình vẽ 40cm

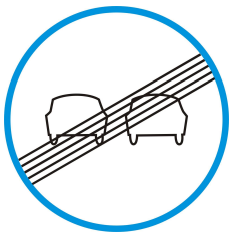

Hình B.33 - Biển số 133

B.34. Biển số 134 "Hết hạn chế tốc độ tối đa"

a) Đến hết đoạn đường hạn chế tốc độ tối đa phải đặt biển số 134 "Hết hạn chế tốc độ tối đa" (hoặc đặt biển số 135 "Hết tất cả các lệnh cấm" nếu đồng thời có nhiều biển cấm khác hết tác dụng).

b) Biển có giá trị báo cho người lái xe biết hiệu lực của biển số 127 hết tác dụng. Kể từ biển này, các xe được phép chạy với tốc độ tối đa đã quy định trong luật đường đường bộ.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Vành biển màu xanh rộng 2cm

- Chiều cao con số 40cm

- Năm vạch chéo từ góc trên bên phải qua tâm xuống góc dưới bên trái xiên góc 30° so với phương nằm ngang màu đen: Bề rộng nét vạch 1cm, cách nhau 1cm.

Hình B.34 - Biển số 134

B.35. Biển số 135 "Hết tất cả các lệnh cấm"

a) Đến hết đoạn đường mà nhiều biển báo cấm cùng hết hiệu lực, phải đặt biển số 135 "Hết tất cả các lệnh cấm".

b) Biển có giá trị báo cho người lái xe biết hiệu lực của biển số 121 và nhiều biển cấm khác từ biển số 125 đến biển số 131 (a,b,c) được đặt trước đó cùng hết tác dụng.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Vành biển màu xanh rộng 2cm

- Năm vạch chéo từ góc trên bên phải qua tâm xuống góc dưới bên trái xiên góc 30° so với phương nằm ngang màu đen: Bề rộng nét vạch 1cm, cách nhau 1cm.

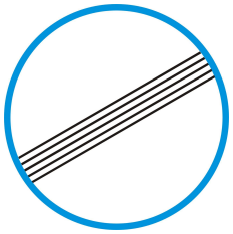

Hình B.35 - Biển số 135

B.36. Biển số 136 "Cấm đi thẳng"

a) Đường ở phía trước cấm tất cả các loại xe đi thẳng phải đặt biển số 136 "Cấm đi thẳng". Biển được đặt ở vị trí ngay trước nút giao của đường cấm đi thẳng. Nếu có quy định cấm về thời gian và loại xe thì sử dụng biển báo phụ thời gian hoặc hình vẽ loại xe cấm.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 32cm

- Chiều rộng hình vẽ 12cm

- Vạch chéo màu đỏ đè lên mũi tên màu đen

Hình B.36 - Biển số 136

B.37. Biển số 137 "Cấm rẽ trái và rẽ phải"

a) Các ngả đường phía trước cấm tất cả các lại xe rẽ trái hay rẽ phải, phải đặt biển số 137 "Cấm rẽ trái và rẽ phải". Biển được đặt ở vị trí ngay trước nút giao của

đường cấm rẽ phải hay rẽ trái. Nếu có quy định cấm về thời gian hoặc loại xe thì sử dụng biển báo phụ thời gian hoặc hình vẽ loại xe cấm.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 40cm

- Chiều rộng hình vẽ 42cm

- Vạch chéo màu đỏ đè lên mũi tên màu đen

Hình B.37 - Biển số 137

B.38. Biển số 138 "Cấm đi thẳng và rẽ trái"

a) Biểu thị đường qua nút giao cấm tất cả các loại xe đi thẳng và rẽ trái, phải đặt biển số 138 "Cấm đi thẳng và rẽ trái"; biển đặt ở vị trí ngay trước nút giao. Nếu có quy định cấm về thời gian hoặc loại xe thì sử dụng biển báo phụ thời gian hoặc hình vẽ loại xe cấm.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 32cm

- Chiều rộng hình vẽ 12cm

- Vạch chéo màu đỏ đè lên mũi tên màu đen

Hình B.38 - Biển số 138

B.39. Biển số 139 "Cấm đi thẳng và rẽ phải"

a) Biểu thị đường qua nút giao cấm tất cả các loại xe đi thẳng và rẽ phải, phải đặt biển biển số 139 "Cấm đi thẳng và rẽ phải"; biển đặt ở vị trí ngay trước nút giao. Nếu có quy định cấm về thời gian hoặc loại xe thì sử dụng biển báo phụ thời gian hoặc hình vẽ loại xe cấm.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 32cm
- Chiều rộng hình vẽ 12cm
- Vạch chéo màu đỏ đè lên mũi tên màu đen

Hình B.39 - Biển số 139

B.40. Biển số 140 "Cấm xe công nông"

a) Để báo đường cấm công nông phải đặt biển số 140 “Cấm xe công nông”

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 15cm
- Chiều rộng hình vẽ 40cm

Hình B.39 - Biển số 140

Phụ lục C

Ý NGHĨA - SỬ DỤNG BIỂN BÁO NGUY HIỂM

C.1. Biển số 201 (a, b) "Chỗ ngặt nguy hiểm"

a) Để báo trước sắp đến một chỗ ngoặt nguy hiểm phải đặt biển số 201 (a,b):

- Biển số 201a chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên trái.

- Biển số 201b chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên phải.

b) Chỗ ngoặt nguy hiểm là vị trí đường cong như sau:

- Ở vùng đồng bằng, đường cong có góc ở tâm lớn hơn hay bằng 45° hoặc có bán kính nhỏ hơn hay bằng 100m.

- Ở vùng núi, đường cong có góc ở tâm lớn hơn hay bằng 45°, hoặc có bán kính nhỏ hơn hay bằng 40m.

c) Ở những vùng mà việc quan sát của người lái xe gặp khó khăn như vùng cây rậm rạp, vùng thường có sương mù thì tất cả các vị trí đường cong không phân biệt độ lớn góc ở tâm hoặc bán kính đều coi là chỗ ngoặt nguy hiểm, phải đặt biển báo chỗ ngoặt nguy hiểm.

d) Sau đoạn thẳng dài từ 1km trở lên thì đường cong đầu tiên không phân biệt độ lớn góc ở tâm hoặc bán kính đều coi là chỗ ngoặt nguy hiểm, phải đặt biển báo.

e) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ mũi tên 23,5cm

- Chiều rộng hình vẽ mũi tên18,5cm

a) Biển số 201a

b) Biển số 201b

Hình C.1 - Biển số 201

C.2. Biển số 202(a, b) "Nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm liên tiếp"

a) Để báo trước sắp đến nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm liên tiếp phải đặt biển số 202 (a,b):

- Biển số 202a đặt trong trường hợp có từ 2 chỗ ngoặt trở lên, ở gần nhau trong đó có ít nhất một chỗ ngoặt nguy hiểm mà chỗ ngoặt đầu tiên hướng vòng bên trái;

- Biển số 202b đặt trong trường hợp như biển số 202a nhưng hướng vòng bên phải;

b) Hai chỗ ngoặt gọi là gần nhau khi đoạn thẳng từ tiếp cuối của đường cong trước đến tiếp đầu của đường cong tiếp sau nhỏ hơn 160m.

c) Bên dưới các biển số 202 (a,b) dùng biển số 501 "Phạm vi tác dụng của biển" để chỉ độ dài của đoạn đường có nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm liên tiếp.

d) Khi tổng chiều dài của các đường cong liên tục dài quá 500m thì cứ 500m phải đặt thêm biển báo một lần.

e) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 26cm

- Chiều rộng hình vẽ 22cm

a) Biển số 202a

b) Biển số 202b

Hình C.2 - Biển số 202

C.3. Biển số 203 (a,b,c) "Đường bị hẹp"

a) Để báo trước sắp đến một đoạn đường bị hẹp đột ngột phải đặt biển số 203 (a,b,c):

- Biển số 203a đặt trong trường hợp đường bị hẹp cả hai bên.

- Biển số 203b hoặc biển số 203c đặt trong trường hợp đường bị hẹp về phía trái hoặc phía phải.

b) Đoạn đường bị hẹp là đoạn đường mà phần xe chạy bị thu hẹp lại, các làn xe đi ngược chiều nhau gặp khó khăn, nguy hiểm và khả năng thông qua giảm đột ngột so với đoạn đường trước đó.

c) Sau khi đặt biển số 203 (a,b,c) nếu đường bị hẹp đến mức không có khả năng thông qua cho hai xe đi ngược chiều thì phải đặt trước vị trí thu hẹp các biển xác định quyền ưu tiên của chiều đi (biển số 132 và biển số 406).

d) Ở tất cả những vị trí đường bị hẹp, người lái xe phải chú ý quan sát giao thông ngược chiều. Xe đi ở chiều đường bị thu hẹp phải nhường đường cho xe đi ngược chiều.

e) Nếu trước vị trí bị thu hẹp có đặt biển số 132 thì phải nhường cho xe chạy ngược chiều; Nếu đặt biển số 406, thì xe được ưu tiên qua đường hẹp trước và xe ngược chiều có trách nhiệm chờ đợi.

g) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 31cm

- Chiều rộng hình vẽ (biển số 203a) 20cm

(biển số 203b,c) 16cm

a) Biển số 203a

b) Biển số 203b

c) Biển số 203c

Hình C.3 - Biển số 203

C.4. Biển số 204 "Đường hai chiều"

a) Để báo trước sắp đến đoạn đường do sửa chữa hoặc có trở ngại ở một phía đường mà phải tổ chức đi lại cho phương tiện cả hai chiều trên phía đường còn lại hoặc để báo trước đoạn đường đôi tạm thời hoặc đoạn đường có chiều xe đi và về đi chung thì phải đặt biển số 204 "Đường hai chiều"

b) Các đoạn đầu và cuối đường có dải phân cách giữa chuyển tiếp sang đường đi chung hai chiều hoặc khi hết đoạn đường một chiều cũng phải đặt biển số 204.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 23cm

- Chiều rộng hình vẽ 19cm

Hình C.4 - Biển số 204

C.5. Biển số 205(a,b,c,d,e) "Đường giao nhau"

a) Để báo trước sắp đến nơi giao nhau cùng mức của các tuyến đường cùng cấp (không có đường nào ưu tiên) trên cùng một mặt bằng phải đặt biển số

205(a,b,c,d,e) "Đường giao nhau". Biển được đặt trước nơi đường giao nhau ở ngoài phạm vi nội thành, nội thị là chủ yếu. Trong nội thành, nội thị có thể châm trước không đặt biển này.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển

- Chiều cao hình vẽ 21cm

- Chiều rộng hình vẽ 21cm

24cm (biển số 205e)

a) Biển số 205a b) Biển số 205b c) Biển số 205c d) Biển số 205d e) Biển số 205e

Hình C.5 - Biển số 205

C.6. Biển số 206 "Giao nhau chạy theo vòng xuyến"

a) Để báo trước nơi giao nhau có bố trí đảo an toàn ở giữa nút giao, các loại xe qua nút giao phải đi vòng xuyến quanh đảo an toàn theo chiều mũi tên, phải đặt biển số 206 "Giao nhau chạy theo vòng xuyến".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Bề rộng nét vẽ 3,5cm

- Đường kính trong hình tròn 21 cm

- Đầu mũi tên tạo góc 90°

Hình C.6 - Biển số 206

C.7. Biển số 207 (a,b,c,d,e,f,g,h,i,k,l,m) "Giao nhau với đường không ưu tiên"

a) Trên đường ưu tiên, để báo trước sắp đến nơi giao nhau với đường không ưu tiên phải đặt biển số 207 (a,b,c,d,e,f,g,h,i,k). Tùy theo hình dạng nơi giao nhau để chọn kiểu biển cho thích hợp.

b) Biển số 207 (a,b,c,d,e,f,g,h,i,k,l,m) được đặt trước nơi đường giao nhau ở ngoài phạm vi nội thành, nội thị là chính. Các xe đi trên đường có đặt biển này

được quyền ưu tiên qua nơi giao nhau, chỉ phải nhường đường cho các loại xe được quyền ưu tiên theo quy định.

c) Chỉ được phép đặt biển số 207 (a,b,c,d,e,f,g,h,i,k) trên đường ưu tiên sau khi đã đặt biển số 401 "Bắt đầu đường ưu tiên" và biển số 402 "Hết đoạn đường ưu tiên". Biển số 401 và 402 được đặt ở đầu và cuối đoạn đường ưu tiên để chỉ dẫn phạm vi đoạn đường ưu tiên.

d) Khi một tuyến đường đã đặt các biển số 401 và 402 thì tất cả các nhánh đường khác ở nơi đường giao nhau phải đặt biển số 208 "Giao nhau với đường ưu tiên".

e) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển: Theo Bảng C.1

Bảng C.1. Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển số 207

Đơn vị tính: cm

	Biển số 207a	**Biển số 207b**	**Biển số 207b**	**Biển số 207d**	**Biển số 207e**	**Biển số 207f**	**Biển số 207g**	**Biển số 207h**	**Biển số 207i**	**Biển số 207k**
Chiều rộng hình vẽ	23	16	16	23	19	19	23	23	18	24
Chiều cao hình vẽ	28	28	28	28	28	28	19	25	25	25

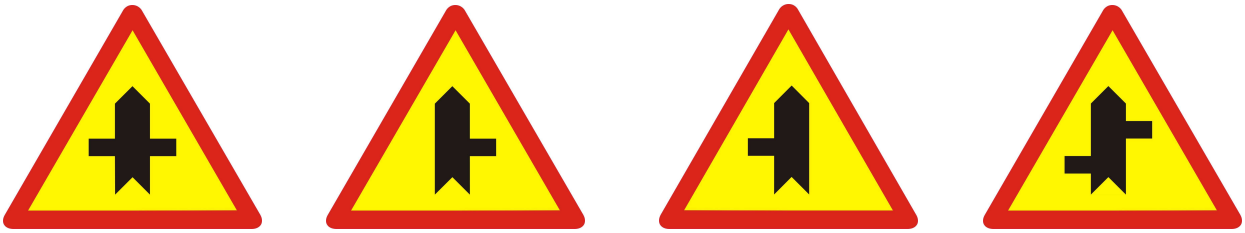

a) Biển số 207a **b) Biển số 207b** **c) Biển số 207c** **d) Biển số 207d**

Hình C.7 - Biển số 207

a) Biển số 207e **b) Biển số 207f** **c) Biển số 207g**

Hình C.8 - Biển số 207

a) Biển số 207h **b) Biển số 207i** **c) Biển số 207k**

Hình C.9 - Biển số 207

C.8. Biển số 208 "Giao nhau với đường ưu tiên"

a) Trên đường không ưu tiên, để báo trước sắp đến nơi giao nhau với đường ưu tiên phải đặt biển số 208 "Giao nhau với đường ưu tiên".

b) Các xe đi trên đường có đặt biển số 208 phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên khi qua nơi giao nhau (trừ các loại xe được quyền ưu tiên theo quy định).

c) Bên dưới biển số 208 phải đặt biển số 506b "Hướng đường ưu tiên" nếu ở nơi đường giao nhau đường ưu tiên thay đổi hướng (rẽ ngoặt).

d) Trong khu đông dân cư biển được đặt trực tiếp trước vị trí giao nhau với đường ưu tiên. Ở ngoài khu đông dân cư, tùy theo đặt xa hay gần mà có thêm biển số 502 "Khoảng cách đến đối tượng báo hiệu"

e) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Nền vàng viền đỏ, không có hình vẽ.

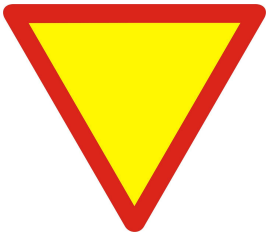

Hình C.10 - Biển số 208

C.9. Biển số 209 "Giao nhau có tín hiệu đèn"

a) Để báo trước nơi giao nhau có điều khiển giao thông bằng tín hiệu đèn trong trường hợp người lái xe khó quan sát để kịp thời xử lý, phải đặt biển số 209 "Giao nhau có tín hiệu đèn".

b) Biển số 209 có thể được dùng bổ sung hoặc thay thế cho các biển số 205, 206, 207, 208.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 21cm

- Chiều rộng hình vẽ 7cm

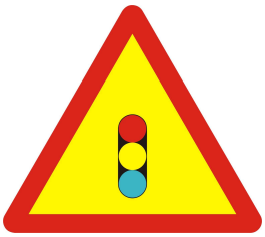

Hình C.11 - Biển số 209

C.10. Biển số 210 "Giao nhau với đường sắt có rào chắn".

a) Để báo trước sắp đến chỗ giao nhau giữa đường bộ và đường sắt có rào chắn kín hay rào chắn nửa kín và có nhân viên ngành đường sắt điều khiển giao thông; phải đặt biển số 210 "Giao nhau với đường sắt có rào chắn".

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 18cm

- Chiều rộng hình vẽ 21cm

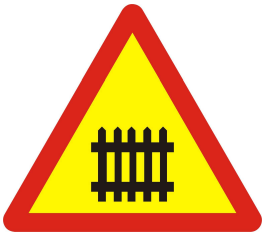

Hình C.12 - Biển số 210

C.11. Biển số 211a "Giao nhau với đường sắt không có rào chắn" và Biển số 211b "Giao nhau với đường tàu điện"

a) Để báo trước sắp đến chỗ giao nhau giữa đường bộ và đường sắt không có rào chắn, không có người điều khiển giao thông phải đặt biển số 211a "Giao nhau với đường sắt không có rào chắn".

b) Trong trường hợp có từng đoạn đường bộ và đường sắt cùng đi chung với nhau, như cầu đi chung cũng phải cũng phải đặt một trong hai biển số 210 hoặc 211a cho phù hợp với thực tế có hay không có rào chắn.

c) Nơi đặt biển số 211a, phải đặt thêm biển số 242(a,b) "Nơi đường sắt giao nhau với đường bộ" đặt cách ray ngoài cùng của đường sắt là 10m.

d) Để chỉ nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường tàu điện, phải đặt biển số 211b "Giao nhau với đường tàu điện". Chỉ cần thiết phải đặt biển này khi đường tàu điện không được nhìn thấy rõ ràng và kịp thời.

e) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Biển số 211a:

• Chiều cao hình vẽ 30cm

• Chiều rộng hình vẽ 32cm

- Biển số 211b:

• Chiều cao hình vẽ 20cm

• Chiều rộng hình vẽ 31cm

a) Biển số 211a

b) Biển số 211b

Hình C.13 - Biển số 211

C.12. Biển số 212 "Cầu hẹp"

a) Để báo trước sắp đến cầu hẹp là loại cầu có chiều rộng phần xe chạy nhỏ hơn hoặc bằng 4,50m phải đặt biển số 212 "Cầu hẹp". Khi qua các cầu này lái xe phải đi chậm, quan sát, nhường nhau và dừng lại chờ ở hai đầu cầu.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 25cm

- Chiều rộng hình vẽ 20cm

Hình C.14 - Biển số 212

C.13. Biển số 213 "Cầu tạm"

a) Để báo trước sắp đến cầu tạm là loại cầu được làm để sử dụng tạm thời cho xe cộ qua lại, phải đặt biển số 213 "Cầu tạm".

b) Nếu trọng tải của cầu thấp và khổ cầu hẹp thì phải đặt thêm các biển số 115 "Hạn chế trọng lượng xe" và biển số 118 "Hạn chế chiều ngang" hoặc các biển báo cần thiết khác. Khi gặp báo hiệu cầu tạm, người sử dụng cần thận trọng, khi nước ngập nhất thiết không được qua cầu.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 23cm
- Chiều rộng hình vẽ 38cm

Hình C.15 - Biển số 213

C.14. Biển số 214 "Cầu quay - cầu cất"

a) Để báo phía trước gặp cầu xoay, cầu cất là loại cầu trong từng thời gian có cắt giao thông đường bộ bằng cách quay hoặc nâng nhịp thông thuyền để cho tàu thuyền qua lại, phải đặt biển số 214 "Cầu quay - cầu cất". Các phương tiện đi trên đường bộ phải dừng lại chờ đợi.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 25cm
- Chiều rộng hình vẽ 35cm

Hình C.16 - Biển số 214

C.15. Biển số 215 "Kè, vực sâu phía trước"

a) Để báo trước sắp tới những vị trí có kè chắn vực sâu, hoặc sông suối đi sát đường, cần đề phòng tình huống nguy hiểm rơi xuống vực sâu hoặc sông suối (thường có ở những chỗ ngoặt nguy hiểm) phải đặt biển số 215 "Kè, vực sâu phía trước".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 26,5cm
- Chiều rộng hình vẽ 41,5cm

Hình C.17 - Biển số 215

C.16. Biển số 216 "Đường ngầm"

a) Để báo trước những vị trí có đường ngầm (đường tràn) phải đặt biển số 216 "Đường ngầm".

b) Đường ngầm là những đoạn đường vượt qua sông, suối, khe cạn mà nước có thể chảy tràn qua thường xuyên hoặc khi có lũ.

c) Ở hai đầu đường ngầm phải cắm cột báo mức nước (cột thủy chí).

d) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 9cm

- Chiều rộng hình vẽ 30cm

Hình C.18 - Biển số 216

C.17. Biển số 217 "Bến phà"

a) Để báo trước sắp đến bến phà, phải đặt biển số 217 "Bến phà". Người sử dụng đường phải tuân theo nội quy bến phà.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 17cm

- Chiều rộng hình vẽ 30cm

Hình C.19 - Biển số 217

C.18. Biển số 218 "Cửa chui"

a) Để báo trước sắp đến đường có cổng chắn ngang, kiểu cổng như đường hầm, cổng thành, cầu vượt đường bộ dạng cầu vòm v.v... phải đặt biển số 218 "Cửa chui".

b) Nếu chiều cao tĩnh không của cổng nhỏ hơn 4,75m phải đặt thêm biển số 117 "Hạn chế chiều cao"

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 35cm

- Chiều rộng hình vẽ 40cm

Hình C.20 - Biển số 218

C.19. Biển số 219 "Dốc xuống nguy hiểm"

a) Để báo trước sắp tới đoạn đường xuống dốc nguy hiểm phải đặt biển số 219 "Dốc xuống nguy hiểm"

b) Con số ghi trong biển chỉ độ dốc thực tế tính bằng %.

Chiều dài của đoạn dốc được chỉ dẫn bằng biển số 501 "Phạm vi tác dụng của biển" đặt bên dưới biển chính.

c) Những vị trí xuống dốc nguy hiểm là:

- Độ dốc 6% và chiều dài dốc trên 600m.

- Độ dốc 10% và chiều dài dốc trên 140m.

- Độ dốc 15% và chiều dài dốc trên 60m.

Người lái các phương tiện phải lựa chọn phương thức chạy xe cho phù hợp để xe xuống dốc một cách thuận lợi, an toàn.

d) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao chữ số 10cm

- Nền dốc mầu đen chiếm 1/2 mặt biển.

Hình C.21 - Biển số 219

C.20. Biển số 220 "Dốc lên nguy hiểm"

a) Để báo trước sắp tới đoạn đường lên dốc nguy hiểm phải đặt biển số 220 "Dốc lên nguy hiểm".

b) Con số ghi trong biển chỉ độ dốc thực tế tính bằng %.

Chiều dài của đoạn dốc được chỉ dẫn bằng biển số 501 "Phạm vi tác dụng của biển" đặt bên dưới biển chính.

c) Những vị trí lên dốc nguy hiểm là:

- Độ dốc 6% và chiều dài dốc trên 600m.

- Độ dốc 10% và chiều dài dốc trên 140m.

- Độ dốc 15% và chiều dài dốc trên 60m.

Người lái các phương tiện phải lựa chọn phương thức chạy xe cho phù hợp để xe lên dốc một cách thuận lợi, an toàn.

d) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao chữ số 10cm

- Nền dốc mầu đen chiếm 1/2 mặt biển.

Hình C.22 - Biển số 220

C.21. Biển số 221 (a,b). "Đường không bằng phẳng"

a) Để báo trước sắp tới đoạn đường có mặt đường không bằng phẳng, lồi lõm, v.v... xe chạy với tốc độ cao sẽ nguy hiểm, phải đặt biển số 221 (a,b):

- Biển số 221a "Đường có ổ gà, lồi lõm" đặt trong trường hợp đường đang tốt, xe chạy nhanh, chuyển sang những đoạn lồi lõm, gập ghềnh, ổ gà, lượn sóng.

- Những đoạn đường khi xe chạy nhanh chỉ chạy được tốc độ dưới 20km/h thì không phải đặt biển số 221a trong trường hợp trên.

- Chiều dài của đoạn đường không bằng phẳng được chỉ dẫn bằng biển số 501 "Phạm vi tác dụng của biển" đặt bên dưới biển chính.

- Biển số 221b báo hiệu đoạn "Đường có sóng mấp mô nhân tạo (humps)" để hạn chế tốc độ xe chạy (biển được cắm kèm theo biển số 227 "Hạn chế tốc độ tối

đa"), bắt buộc lái xe phải chạy với tốc độ chậm trước khi qua những điểm cần kiểm soát, kiểm tra hoặc giảm tốc độ trước khi vào đoạn đường hạn chế tốc độ tối đa.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 9cm

- Chiều rộng hình vẽ 30cm

a) Biển số 221a

b) Biển số 221b

Hình C.23 - Biển số 221

C.22. Biển số 222a "Đường trơn" và Biển số 222b "Lề đường nguy hiểm"

a) Để báo trước sắp tới đoạn đường có thể xảy ra trơn trượt đặc biệt là khi thời tiết xấu, mưa phùn (hệ số bám của lốp với mặt đường $\varphi < 0,3$) cần tránh hãm phanh, tăng ga, sang số đột ngột hoặc xe chạy với tốc độ cao sẽ bị nguy hiểm phải đặt biển số 222a báo hiệu "Đường trơn". Khi gặp biển này, tốc độ xe chạy phải giảm phù hợp và người lái xe phải thận trọng.

b) Để báo những nơi lề đường không ổn định, khi xe đi vào dễ gây văng đất đá hoặc bánh xe quay tại chỗ phải đặt biển số 222b "Lề đường nguy hiểm".

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Biển số 222a:

• Chiều cao hình vẽ 30cm

• Chiều rộng hình vẽ 35cm

- Biển số 222b:

• Chiều cao hình vẽ 15cm

• Chiều rộng hình vẽ 33cm

a) Biển số 222a

b) Biển số 222b

Hình C.24 - Biển số 222

C.23. Biển số 223(a,b) "Vách núi nguy hiểm "

a) Để báo hiệu đường đi sát vách núi phải đặt biển báo nguy hiểm số 223a,b "Vách núi nguy hiểm". Biển dùng để báo nguy hiểm cho người lái xe phải cẩn thận. Biển đặt ở nơi sắp vào đoạn đường đi sát vách núi vừa hẹp vừa hạn chế tầm nhìn. Khi dùng biển cần chú ý vách núi nằm ở bên trái hay bên phải đường để đặt biển 223a hoặc biển 223b cho phù hợp.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 40cm

- Chiều rộng hình vẽ 44cm

a) Biển số 223a

b) Biển số 223b

Hình C.25 - Biển số 223

C.24. Biển số 224 "Đường người đi bộ cắt ngang"

a) Để báo trước sắp tới phần đường dành cho người đi bộ sang qua đường, phải đặt biển số 224 "Đường người đi bộ cắt ngang". Gặp biển này các xe phải giảm tốc độ, nhường ưu tiên cho người đi bộ và chỉ được chạy xe khi không gây nguy hiểm cho người đi bộ.

b) Phần đường dành cho người đi bộ cắt ngang tại nơi đường giao nhau, trong nội thành, nội thị nơi người qua lại nhiều phải được sơn kẻ vạch đường dành cho người đi bộ.

c) Không cần phải đặt biển này nếu người lái xe dễ thấy được phần đường sang ngang của người đi bộ hoặc tại vị trí này có hệ thống đèn điều khiển giao thông.

d) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 30cm

- Chiều rộng hình vẽ 32cm

Hình C.26 - Biển số 224

C.25. Biển số 225 "Trẻ em"

a) Để báo trước là gần đến đoạn đường thường có trẻ em đi ngang qua hoặc tụ tập trên đường như ở vườn trẻ, trường học, câu lạc bộ, phải đặt biển số 225 "Trẻ em".

b) Chiều dài của đoạn đường này được chỉ dẫn bằng biển số 501 "Phạm vi tác dụng của biển" đặt bên dưới biển chính.

c) Gặp biển này, người lái xe phải đi chậm và thận trọng đề phòng khả năng xuất hiện và di chuyển bất ngờ của trẻ em trên mặt đường.

d) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 23cm

- Chiều rộng hình vẽ 26cm

Hình C.27 - Biển số 225

C.26. Biển số 226 "Đường người đi xe đạp cắt ngang"

a) Để báo trước là gần tới vị trí thường có người đi xe đạp từ những đường nhỏ cắt ngang qua hoặc từ đường dành cho xe đạp đi nhập vào đường ôtô, phải đặt biển số 226 "Đường người đi xe đạp cắt ngang".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 24cm

- Chiều rộng hình vẽ 26cm

Hình C.28 - Biển số 226

C.27. Biển số 227 "Công trường"

a) Để báo trước gần tới đoạn đường đang tiến hành thi công sửa chữa, cải tạo, nâng cấp có người và máy móc đang làm việc trên mặt đường, phải đặt biển số 227 báo hiệu "Công trường", khi gặp biển báo này tốc độ xe chạy phải giảm cho thích hợp, không gây nguy hiểm cho người và máy móc trên đoạn đường đó.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 26cm

- Chiều rộng hình vẽ 35cm

Hình C.29 - Biển số 227

C.28. Biển số 228(a,b) "Đá lở" và Biển số 228c "Sỏi đá bắn lên"

a) Để báo trước gần tới đoạn đường có hiện tượng đất đá từ trên ta luy dương sụt lở bất ngờ gây nguy hiểm cho xe cộ và người đi đường, đặc biệt là ở những đoạn đường miền núi, phải đặt biển số 228(a,b) "Đá lở". Chiều dài của đoạn nguy hiểm, sử dụng biển số 501 "Phạm vi tác dụng của biển" đặt dưới biển chính. Khi sử dụng biển này phải căn cứ thực tế mà đặt biển số 228a hoặc 228b cho phù hợp.

Gặp biển này, người lái xe phải chú ý; đặc biệt khi thời tiết xấu, hạn chế tầm nhìn, không dừng hay đỗ xe trong khu vực đá lở sau những trận mưa lớn.

b) Để báo trước nơi có kết cấu mặt đường rời rạc, khi phương tiện đi qua, làm cho các viên đá, sỏi băng lên gây nguy hiểm và mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông phải đặt biển số 228c "Sỏi đá bắn lên"

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Biển số 228(a,b):

• Chiều cao hình vẽ 33cm

• Chiều rộng hình vẽ 43cm

- Biển số 228c:

• Chiều cao hình vẽ 30cm

• Chiều rộng hình vẽ 40cm

a) Biển số 228a

b) Biển số 228b

c) Biển số 228c

Hình C.30 - Biển số 228

C.29. Biển số 229 "Giải máy bay lên xuống"

a) Để báo trước đoạn đường ở vùng sát đường băng sân bay và cắt ngang qua hướng máy bay lên xuống ở độ cao không lớn, phải đặt biển số 229 "Giải máy bay lên xuống". Nếu cần thiết, tại những vị trí này phải điều khiển giao thông bằng tín hiệu cờ và đèn đỏ hoặc hiệu lệnh bằng tay của người chỉ huy giao thông.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 32cm

- Chiều rộng hình vẽ 25cm

Hình C.31 - Biển số 229

C.30. Biển số 230 "Gia súc"

a) Để báo trước gần tới đoạn đường thường có gia súc thả rông hoặc lùa qua ngang đường, đường ở vùng đồng cỏ của nông trường chăn nuôi, vùng thảo nguyên ..., phải đặt biển số 230 "Gia súc". Người lái xe có trách nhiệm đi chậm, quan sát và dừng lại bảo đảm cho gia súc có thể qua đường không bị nguy hiểm.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 15cm

- Chiều rộng hình vẽ 25cm

Hình C.32 - Biển số 230

C.31. Biển số 231 "Thú rừng vượt qua đường"

a) Để báo trước gần tới đoạn đường thường có thú rừng qua đường như đường đi qua rừng hay khu vực bảo tồn thiên nhiên cấm săn bắn, phải đặt biển số 231 "Thú rừng vượt qua đường". Chiều dài của đoạn đường này được chỉ dẫn bằng biển số 501 "Phạm vi tác dụng của biển" đặt bên dưới biển chính, người lái xe phải đi chậm, chú ý quan sát hai bên đường và thận trọng đề phòng tai nạn.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 25cm

- Chiều rộng hình vẽ 22cm

Hình C.33 - Biển số 231

C.32. Biển số 232 "Gió ngang"

a) Để báo trước gần tới đoạn đường thường có gió ngang thổi mạnh gây nguy hiểm phải đặt biển số 232 "Gió ngang". Người lái xe cần phải điều chỉnh tốc độ xe chạy cho thích hợp, đề phòng gió thổi mạnh gây lật xe.

b) Biển này chỉ đặt ngoài phạm vi thành phố, khu đông dân cư. Tại vị trí nguy hiểm nên đặt thiết bị đo gió để những người lái xe biết được hướng và cường độ gió.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 18cm

- Chiều rộng hình vẽ 20cm

Hình C.34 - Biển số 232

C.33. Biển số 233 "Nguy hiểm khác"

a) Nếu trên đường có những nguy hiểm mà không thể vận dụng được các kiểu biển từ biển số 201a đến biển số 232 theo quy định từ phần C.1 đến phần C.32 Phụ lục này thì phải đặt biển số 233 "Nguy hiểm khác".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 33cm

- Chiều rộng hình vẽ 6cm

Hình C.35 - Biển số 233

C.34. Biển số 234 "Giao nhau với đường hai chiều"

a) Trên đường một chiều, để báo trước sắp đến vị trí giao nhau với đường hai chiều phải đặt biển số 234 "Giao nhau với đường hai chiều".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 19cm

- Chiều rộng hình vẽ 23cm

Hình C.36 - Biển số 234

C.35. Biển số 235 "Đường đôi"

a) Để báo trước sắp đến đoạn đường có chiều đi và chiều về phân biệt bằng giải phân cách cứng phải đặt biển số 235 "Đường đôi".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 21cm

- Chiều rộng hình vẽ 21cm

Hình C.37 - Biển số 235

C.36. Biển số 236 "Hết đường đôi"

a) Để báo trước sắp kết thúc đoạn đường có chiều đi và chiều về phân biệt bằng giải phân cách cứng phải đặt biển số 236 "Hết đường đôi". Đường đôi chỉ được chia bằng vạch sơn không phải đặt biển này.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 21cm

- Chiều rộng hình vẽ 21cm

Hình C.38 - Biển số 236

C.37. Biển số 237 "Cầu vồng"

a) Dùng để nhắc nhở lái xe lái cho cẩn thận. Biển đặt ở trên đoạn đường sắp đến công trình có độ vồng lớn ảnh hưởng tới tầm nhìn.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 14,5cm

- Chiều rộng hình vẽ 36cm

Hình C.39 - Biển số 237

C.38. Biển số 238 "Đường cao tốc phía trước"

a) Biển số 238 được đặt trên đường nhánh nhập vào đường cao tốc để báo cho các phương tiện đi trên đường này biết có "Đường cao tốc phía trước".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 23cm

- Chiều rộng hình vẽ 17cm

Hình C.40 - Biển số 238

C.39. Biển số 239 "Đường cáp điện ở phía trên"

a) Ở những nơi có đường dây điện cắt ngang phía trên tuyến đường phải đặt biển số 239 "Đường cáp điện ở phía trên" và kèm theo biển số 509 "Chiều cao an toàn" ở phía dưới.

b) Biển được đặt phía bên phải cho cả hai chiều đường xe chạy cách vị trí có cáp khoảng 20m - 30m.

Chiều cao an toàn: Là chiều cao từ điểm võng tĩnh thấp nhấp ở trạng thái võng cực đại đến điểm cao nhất của công trình trừ đi chiều cao phóng điện an toàn theo cấp điện. Tùy từng loại cáp điện có điện thế bao nhiêu mà có chiều cao an toàn phù hợp.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 26cm

- Chiều rộng hình vẽ 7cm

Hình C.41 - Biển số 239

C.40. Biển báo 240 "Đường hầm"

a) Để nhắc lái xe chú ý chuẩn bị đi vào hầm đường bộ phải đặt biển số 240 "Đường hầm". Biển đặt ở bên phải chiều đi trước khi vào hầm.

c) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 24cm
- Chiều rộng hình vẽ 20cm

Hình C.42 - Biển số 240

C.41. Biển số 241 "Ùn tắc giao thông"

a) Để báo đoạn đường hay xảy ra ùn tắc giao thông phải đặt biển số 241 "Ùn tắc giao thông".

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 25cm
- Chiều rộng hình vẽ 25cm

Hình C.43 - Biển số 241

C.42. Biển số 242(a,b) "Nơi đường sắt giao vuông góc với đường bộ"

a) Để bổ sung cho biển số 211 "Giao nhau với đường sắt không có rào chắn", phải đặt biển số 242(a,b) để chỉ chỗ đường sắt giao vuông góc đường bộ. Biển đặt trên đường bộ cách ray ngoài cùng của đường sắt là 10m.

Nếu tại chỗ giao nhau đường sắt chỉ có một đường cắt ngang đường bộ thì đặt biển số 242a.

Nếu tại chỗ giao nhau đường sắt có từ hai đường cắt ngang đường bộ thì đặt biển số 242b.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Biển số 242a:

• Chiều cao hình vẽ 45cm

• Chiều rộng hình vẽ 80cm

- Biển số 242b:

• Chiều cao hình vẽ 82.5cm

• Chiều rộng hình vẽ 80cm

- Bề rộng nét vẽ màu trắng 6cm

a) Biển số 242a

b) Biển số 242b

Hình C.44 - Biển số 242

C.43. Biển báo số 243 (a,b,c) "Nơi đường sắt giao không vuông góc với đường bộ "

a) Để báo trước sắp đến vị trí giao cắt đường bộ với đường sắt cùng mức, không vuông góc và không có người gác, không có rào chắn phải đặt biển số 243 "Nơi đường sắt giao không vuông góc với đường bộ". Biển được đặt ở phía dưới biển số 211 “Giao nhau với đường sắt không có rào chắn”. Báo hiệu đường sắt giao cắt không vuông góc với đường bộ gồm có 3 biển: Biển số 243a đặt ở nơi cách ray ngoài cùng nơi giao đường sắt 50m biển số 243b và biển số 243c đặt cách ray ngoài cùng nơi giao đường sắt 100m và 150m.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao: 80cm
- Chiều rộng: 45cm
- Nét vạch đỏ: 12cm
- Nét vạch trắng: 6cm
- Góc nghiêng của của vạch: 30°
- Khoảng cách từ đáy biển đến mặt đường: 100cm

a) Biển số 243a **b) Biển số 243b** **c) Biển số 243c**

Hình C.45 - Biển số 243

C.44. Biển số 244 "Đoạn đường hay xảy ra tai nạn"

a) Dùng để cảnh báo nguy hiểm đoạn đường phía trước thường xảy ra tai nạn để lái xe cần đặc biệt chú ý, phải đặt biển số 244 "Đoạn đường hay xảy ra tai nạn". Biển được đặt ở vị trí thích hợp nơi sắp vào đoạn đường thường xảy ra tai nạn.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao hình vẽ 28cm
- Chiều rộng hình vẽ 40cm

Hình C.46 - Biển số 244

C.45. Biển số 245(a,b) "Đi chậm"

a) Dùng để nhắc lái xe giảm tốc độ đi chậm, phải đặt biển số 245(a,b) "Đi chậm". Biển đặt ở vị trí thích hợp trước khi đến đoạn đường yêu cầu đi chậm.

Đối với các tuyến đường đối ngoại bắt buộc dùng biển số 245b.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều cao chữ 7cm
- Chiều cao biển SLOW 30cm
- Chiều rộng biển SLOW 50cm
- Chiều cao chữ SLOW 10cm

a) Biển số 245a

b) Biển số 245b

Hình C.47 - Biển số 245

C.46. Biển số 246 (a,b,c) "Chú ý chướng ngại vật"

a) Dùng để báo trước cho lái xe biết phía trước có chướng ngại vật, xe cần giảm tốc độ và đi theo chỉ dẫn trên biển báo, phải đặt biển số 246a "Chú ý chướng ngại vật - Vòng tránh ra hai bên", biển số 246b "Chú ý chướng ngại vật - Vòng tránh sang bên trái" và biển số 246c "Chú ý chướng ngại vật - Vòng tránh sang bên phải". Biển này đặt ở vị trí thích hợp trước khi đến đoạn đường có chướng ngại vật.

b) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Biển số 246a:

• Chiều cao hình vẽ 30cm

• Chiều rộng hình vẽ 26cm

- Biển số 246(b, c):

• Chiều cao hình vẽ 30cm

• Chiều rộng hình vẽ 17cm

a) Biển số 246a

b) Biển số 246b

c) Biển số 246c

Hình C.48 - Biển số 246

C.47. Biển số 247 "Chú ý xe đỗ"

a) Để cảnh báo có các loại xe ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô hoặc ôtô đầu kéo; xe máy chuyên dùng đang đỗ chiếm một phần đường xe chạy phải đặt trên mặt đường biển số 247 “Chú ý xe đỗ”, biển được đặt cách xe phía trước và phía sau xe (theo chiều đi) là 5m;

b) Đối với đường một chiều, chỉ đặt một biển sau xe (hoặc đoàn xe) đỗ;

c) Đối với đoàn xe gồm nhiều xe cùng đỗ, chỉ đặt biển này ở phía trước xe đầu và sau xe cuối của đoàn xe trên đường hai làn xe;

d) Biển đặt trực tiếp trên mặt đường;

e) Kích thước và màu sắc của hình vẽ trên biển:

- Chiều dài cạnh đáy hình tam giác 45cm
- Chiều rộng viền đỏ 3cm
- Nền vàng, không có hình vẽ.

Hình C.49 - Biển số 247

(Xem tiếp Công báo số 393 + 394)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng